CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG
DN: C=VN, L=CẦN THƠ, CN=CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1800506679, E=VATTUHAUGIANG@HCM.VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-11-10 16:04:46

CV56KHDNY22F878AF84862GR40

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC
Số: 12/2025-HĐCVHM/NHCT820-HAMACO

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC này ("**Hợp Đồng**") được lập tại NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa và bởi:

(A) NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ với tư cách là Bên Cho Vay.

Giấy CNĐKDN: 0100111948-040 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Cần Thơ cấp ngày 11/08/2009, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 07/03/2022 và văn bản số 623/CTH-TTGS ngày 28/8/2024 của NHNN Việt Nam - CN TP.Cần Thơ

Địa chỉ đăng ký: 59-59A Phan Đình Phùng, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại/Fax: 0292 3820 875

Đại diện hợp pháp: - Chức vụ:

Theo văn bản ủy quyền số: 308/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 14/04/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG với tư cách là Bên Vay

Giấy phép ĐKKD/Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1800506679 - Cấp lần đầu ngày: 12/05/2003, sửa đổi lần thứ 30 ngày 29/07/2025 - Nơi cấp: Sở Tài chính TP Cần Thơ

Địa chỉ đăng ký: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Đại diện hợp pháp: Mai Bảo Ngọc - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên Cho Vay và **Bên Vay** được gọi chung là "**Các Bên**" và gọi riêng là một "**Bên**".

Sau khi đã đàm phán và thoả thuận, Các Bên đồng ý giao kết **Hợp Đồng** này với nội dung và các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1. PHƯƠNG THỨC, HẠN MỨC CHO VAY, CÁC KHOẢN NỢ

1.1 Phương Thức Cho Vay: Cho vay theo hạn mức

1.2 Hạn Mức Cho Vay

(a) Tuỳ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay cam kết cho Bên Vay vay các khoản tiền bằng VND (mỗi khoản tiền được giải ngân và/hoặc Bên Vay nhận nợ được gọi là "**Khoản Nợ**") trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá **340.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay khả dụng là **170.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ đồng) ("**Hạn Mức Cho Vay**").

(b) Trường hợp Bên Vay rút vốn bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau, số dư nợ gốc theo Hợp Đồng này sẽ được quy đổi trên danh nghĩa về một loại tiền tệ theo tỷ giá bán loại tiền tệ được quy đổi do Bên Cho Vay niêm yết tại bất kỳ thời điểm đề nghị giải ngân nhằm quản lý Hạn Mức Cho Vay.

(c) Tại mọi thời điểm, tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Bên Vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (bao gồm dư nợ cho vay theo Hợp Đồng này) không vượt quá số tiền giới hạn tín dụng mà Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã cấp cho Bên Vay.

(d) Hạn Mức Cho Vay được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay số 150/2024-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP VAT TU HAU GIANG ngày 02 tháng 12 năm 2024 ký giữa Bên Cho Vay với Bên Vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này. Trừ khi có thoả thuận khác, Các Bên thống nhất việc xử lý hạn mức cho vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được liệt kê tại Phụ Lục I theo nguyên tắc sau:

(i) Ngày trả nợ gốc: Bên Vay có trách nhiệm trả nợ theo đúng ngày ghi trên Giấy Nhận Nợ và được cụ thể hoá tại Phụ Lục I.

(ii) Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ Lục I. Ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày 01 (hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước nếu ngày 01 đó không phải là Ngày Làm Việc).

(iii) Lãi cộng dồn chưa thanh toán của toàn bộ dư nợ gốc sẽ được Bên Vay thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv) Các nội dung khác sẽ được điều chỉnh theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này.

1.3 Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức

Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức được tính từ ngày 12/12/2025 đến hết ngày 30/11/2026.

Hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay không có nghĩa vụ phải giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, trừ việc giải ngân để thanh toán L/C có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này đến hạn thanh toán.

1.4 Mục Đích Sử Dụng

Các Khoản Nợ được Bên Vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông của Công ty

1.5 Thời Hạn Cho Vay

Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá **năm (05) tháng**

Giấy Nhận Nợ là một trong các bằng chứng pháp lý xác nhận Khoản Nợ đã được Bên Cho Vay giải ngân cho Bên Vay. Giấy Nhận Nợ được Bên Vay lập theo mẫu của Bên Cho Vay theo quy định tại khoản 4.2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. LÃI VÀ PHÍ

2.1 Lãi Suất Cho Vay

Lãi suất cho vay trong Hợp Đồng này là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định dưới đây:

(a) Lãi suất cho vay trong hạn

Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất, thông báo điều chỉnh lãi suất:

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh một (1) tháng một lần ("**Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất**").

- Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào ngày giải ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) của tháng cuối cùng của Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày Làm Việc ("**Ngày Xác Định Lãi Suất**").

- Sau Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay sẽ gửi văn bản thông báo lãi suất và/hoặc Bên Cho Vay sẽ thông báo lãi suất thông qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ (như tin nhắn gửi qua số điện thoại/Email/Hệ thống Vietinbank Ipay, Vietinbank Efast...mà Bên Vay đã đăng ký tại Bên Cho Vay trước đó) cho Bên Vay nếu lãi suất cho vay có sự thay đổi so với lãi suất cho vay đang áp dụng. Bên Vay đồng ý rằng định kỳ hàng tháng vào ngày làm việc liền kề sau ngày 01 hàng tháng sẽ đến trụ sở của Bên Cho Vay để nhận thông báo lãi suất. Trường hợp Bên Vay không đến trụ sở của Bên Cho Vay để nhận thông báo lãi suất thì Bên Vay từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện liên quan tới việc điều chỉnh và áp dụng lãi suất cho kỳ tính lãi tương ứng. Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo lãi suất và văn bản thông báo lãi suất cho vay và/hoặc thông báo lãi suất qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất được xác định ghi trong thông báo lãi suất đó (hoặc thông báo lãi suất trước đó) cho kỳ hạn tính lãi tương ứng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, trừ khi Bên Vay có văn bản phản đối lãi suất được xác

CV56KHDNY22FB78AF84862GR40

định sai nguyên tắc quy định dưới đây trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay gửi thông báo đó. Trường hợp Bên Vay phản đối, lãi suất cho vay trong thông báo lãi suất sẽ được Bên Vay và Bên Cho Vay cùng xác định lại, nếu Bên Vay không cùng Bên Cho Vay xác định lại hoặc không chỉ rõ được việc Bên Cho Vay xác định sai thì lãi suất cho vay vẫn được áp dụng theo mức lãi suất trong thông báo xác định lãi suất mà Bên Cho Vay đã gửi cho Bên Vay

(ii) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau:

Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng (=) tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ 3.5%/năm, trong đó: Lãi suất cơ sở được xác định bằng:

+ Lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của cùng loại tiền cho vay có thời hạn tương ứng với Thời Hạn Cho Vay quy định tại khoản 1.5 Hợp Đồng này được niêm yết tại Bên Cho Vay + chi phí huy động vốn tăng thêm. Trong đó: Chi phí huy động vốn tăng thêm là chi phí phát sinh trong điều kiện biến động thị trường khiến lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trả lãi sau không phản ánh đầy đủ chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay do Bên Cho Vay tự xác định. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có loại lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có thời hạn tương ứng với Thời Hạn Cho Vay thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của thời hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy đọng tiết kiệm trả lãi sau hiện hành của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

(iii) Bên Cho Vay được quyền quyết định điều chỉnh tăng biên độ và thông báo cho Bên Vay về biên độ mới khi có một trong các sự kiện phát sinh dưới đây:

+ Bên Vay có đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc Bên Vay có đề nghị miễn/giảm lãi;

+ Khả năng trả nợ của Bên Vay suy giảm hoặc có nguy cơ suy giảm theo đánh giá của Bên Cho Vay hoặc Bên Cho Vay có cơ sở để xác định Bên Vay đang có nguy cơ, dự kiến suy giảm khả năng trả nợ;

+ Việc Cơ quan Nhà nước thay đổi bất kỳ luật hoặc quy định nào và/hoặc việc tuân thủ bất kỳ luật hoặc quy định nào được đưa ra sau khi ký Hợp Đồng này làm giảm lợi ích của Bên Cho Vay;

+ Các thay đổi bất lợi (theo đánh giá của Bên Cho Vay) liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm của các Khoản Nợ theo Hợp Đồng này làm tăng rủi ro đối với Khoản Nợ;

+ Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường.

(iv) Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường, Bên Cho Vay được toàn quyền điều chỉnh cách thức xác định lãi suất cơ sở và biên độ khác so với cách thức xác định tại mục (ii) trên. Bên Cho Vay chỉ cần thông báo điều chỉnh lãi suất cho Bên Vay trong đó có nội dung thay đổi về Lãi suất cơ sở và biên độ, Bên Vay đồng ý thực hiện theo Thông báo điều chỉnh lãi suất của Bên Cho Vay trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Biến động thị trường là một trong các sự kiện sau:

+ Tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có giá trị lãi suất cơ sở hoặc giá trị lãi suất cơ sở bằng 0 (không) hoặc âm; hoặc Cơ quan quản lý/ cơ quan có thẩm quyền/ đại diện của các cơ quan này tuyên bố công khai rằng loại lãi suất cơ sở tại hợp đồng cho vay không còn tin cậy/ không còn mang tính đại diện; hoặc

+ Việc sửa đổi/bổ sung/ thay thế hoặc đưa ra/ thay đổi trong cách diễn giải, thi hành hoặc áp dụng của bất kỳ pháp luật quy định nào hoặc thay đổi của chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Nhà nước và của NHCTVN sau ngày giao kết Hợp Đồng hoặc các nguyên nhân khác trực tiếp/ gián tiếp khiến chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay vượt quá giá trị lãi suất cơ sở đang áp dụng tại Hợp Đồng và/ hoặc ảnh hưởng tới khả năng giải ngân vốn cho vay của Bên Cho Vay

Khi các sự kiện biến động thị trường chấm dứt, Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được Bên Cho Vay tiếp tục áp dụng theo mục (ii) nêu trên và được Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay.

(v) Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("**NHCTVN**") thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(vi) Lãi suất cho vay tại thời điểm giao kết Hợp Đồng là 6,3%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày giao kết Hợp Đồng.

(vii) Lãi suất ưu đãi áp dụng theo các chương trình, cơ chế ưu đãi lãi suất khác:

Vào ngày giải ngân khoản nợ hoặc ngày xác định lãi suất, tùy thuộc vào việc Bên vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Chương trình tín dụng theo quy định của Bên cho vay và được Bên cho vay chấp thuận thì lãi suất cho vay của khoản nợ sẽ được xác định theo chính sách cho vay của chương trình đó và được ghi vào giấy nhận nợ. Hết thời gian áp dụng Chương trình tín dụng hoặc khi Bên vay không đáp ứng được điều kiện của Chương trình hoặc Bên cho vay chấm dứt chương trình tín dụng trước hạn thì lãi suất cho vay được xác định lại là lãi suất thông thường nêu trên. Trong đó ngày xác định lãi suất là ngày Bên cho vay chấm dứt áp dụng Chương trình tín dụng đối với Bên vay (trừ trường hợp theo thông báo riêng của Bên Cho vay).

Trong thời gian áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi, trường hợp biến động thị trường, trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau dành cho khách hàng cá nhân của Bên Cho vay tăng quá 10% so với thời điểm giải ngân lần đầu tiên (thời điểm bắt đầu áp dụng lãi suất ưu đãi), Bên Cho vay điều chỉnh lãi suất cho vay ưu đãi tăng tương ứng trong thời gian ưu đãi còn lại đối với các giấy nhận nợ theo hợp đồng này. Đối với giấy nhận nợ mới, áp dụng mức lãi suất điều chỉnh tăng tại ngày giải ngân. Đối với giấy nhận nợ cũ, áp dụng mức lãi suất điều chỉnh tăng tại ngày điều chỉnh lãi suất được quy định tại hợp đồng.

+ Trường hợp Bên vay phát sinh nợ quá hạn từ nhóm 2, nợ xấu tại Bên cho vay và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích, Bên cho vay chấm dứt ngay việc ưu đãi lãi suất đối với toàn bộ dư nợ của Bên vay tại tất cả các chi nhánh trong hệ thống Bên cho vay kể từ ngày bị chuyển nhóm nợ và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích tại Bên cho vay.

+ Bên cho vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất trong 02 trường hợp sau đây:

- Bên vay sử dụng vốn sai mục đích: trường hợp xác định Bên vay sử dụng vốn sai mục đích, Bên cho vay thực hiện thu hồi toàn bộ số tiền lãi đã ưu đãi đối với tất cả các khoản vay sử dụng vốn vay sai mục đích còn dư nợ.
- Bên vay trả nợ trước hạn: Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, Bên cho vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ.
- Công thức xác định số tiền thu hồi ưu đãi lãi suất:

  Số tiền thu hồi ưu đãi = $\sum(A \times \frac{(X-Y)}{365} \times T)$

  Trong đó:

  A: Dư nợ bị thu hồi lãi suất ưu đãi

  X: Sàn lãi suất cho vay thông thường kể từ thời điểm bắt đầu áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi tương ứng với mục đích vay vốn của Bên Vay theo quy định của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ. (Sàn lãi suất cho vay thông thường theo quy định của Bên Cho Vay tại thời điểm ký hợp đồng cho vay dự án đầu tư là 12.5%/năm)

  Y: lãi suất cho vay ưu đãi áp dụng cho khách hàng.

  T: số ngày ưu đãi lãi suất

+ Lãi suất cho vay trên đối với từng khoản vay (Giấy nhận nợ) không áp dụng đồng thời với các chính sách hỗ trợ/ưu đãi khác về lãi suất như Chính sách khách hàng chiến lược, Chính sách giảm lãi suất cho vay xuất khẩu, chính sách ưu đãi nông nghiệp nông thôn….

+ **Phương pháp giảm trừ:** Bên Vay được áp dụng lãi suất ưu đãi (giảm trừ lãi suất) ngay khi thực hiện giải ngân theo chương trình. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Bên Vay vi phạm các cam các nội dung cam kết tại khoản dưới đây, Bên Cho Vay sẽ áp dụng lãi suất cho vay thông thường đối với khoản vay và thực hiện truy thu phần lãi được giảm trừ cho Bên Vay trước đó.

CV56KHDNY22F878AF84862GR4O

Điều kiện tham gia chương trình: Bên Vay cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

+ Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng được cho vay theo chương trình đã ghi tại Điều 1, 1.4 Hợp đồng cho vay và các giấy nhận nợ; trả nợ đúng thời hạn quy định trong hợp đồng cho vay và các giấy nhận nợ liên quan.

+ **Nhóm nợ bên vay:** Nhóm 01 (Tại tất cả các tổ chức tín dụng theo báo cáo CIC gần nhất) và không có nợ xấu trong thời gian 01 năm trước liền kề tại thời điểm đề xuất áp dụng Chương trình tại các tổ chức tín dụng.

+ Bên Vay được xếp hạng tín dụng từ A trở lên.

+ Bên Vay sử dụng báo cáo tài chính kiểm toán và không có khoản cấp tín dụng chuyên biệt

+ Bên vay phải sử dụng ít nhất **04 sản phẩm dịch vụ** trong gói sản phẩm kết hợp của Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam gồm: Tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử (có phát sinh giao dịch tài chính trên kênh ngân hàng điện tử tối thiểu 03 tháng /lần), chi lương (có phát sinh hàng tháng), VietinCare, quản lý dòng tiền (Thu hộ, chi hộ, điều tiền tự động, tài khoản ảo, dịch vụ thấu chi và quản lý hạn mức thấu chi) tài trợ thương mại, mua bán ngoại tệ, sản phẩm đầu tư, các sản phẩm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

+ Thu nhập hoạt động quy đổi theo năm/dư nợ bình quân của bên vay đạt mức tối thiểu theo quy định của chương trình cho vay ưu đãi từng thời kì.

+ Tỷ lệ doanh số tiền về/Doanh số giải ngân ngắn hạn ≥ 110%

+ Duy trì số dư tiền gửi thanh toán không kỳ hạn bình quân lớn hơn 100 triệu đồng.

+ Bên vay đăng ký sử dụng dịch vụ nhận biến động số dư toàn bộ tài khoản tiền vay qua SMS/OTP banking.

+ Bên Cho vay sẽ chấm dứt ưu đãi lãi suất đối với Bên vay nếu Bên vay để phát sinh nợ quá hạn hoặc phải cơ cấu nợ. Đồng thời, yêu cầu Bên vay phải bồi hoàn lại toàn bộ số tiền ưu đãi lãi suất trong trường hợp Bên Cho vay xác định Bên vay sử dụng vốn sai mục đích.

+ Trong trường hợp Bên vay không tuân thủ đúng cam kết về quy mô dòng tiền chuyển về tài khoản Thanh toán của Bên vay tại Bên Cho Vay và duy trì số dư tiền gửi thanh toán không kỳ hạn bình quân theo quy định của Hợp đồng này thì Bên Cho vay được quyền cộng thêm 0,5%/năm vào lãi suất cho vay trong hạn tại Ngày xác định lãi suất.

(b) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn

Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.6 Điều 3 và khoản 8.2 Điều 8 của Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại điểm a khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(c) Lãi suất chậm trả lãi

Lãi suất chậm trả lãi: Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng lãi suất chậm trả lãi. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách lãi suất của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất chậm trả lãi và Các Bên thống nhất trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo điểm a Khoản 3.6 Điều 3 Hợp Đồng này) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2 Cơ Sở Tính Lãi, Phương Pháp Tính Lãi

(a) Tiền lãi của Khoản Nợ được tính theo lãi suất năm, trên cơ sở một năm có 365 ngày.

(b) Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

(c) Số tiền lãi vay trong hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc trong hạn thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế)/365.

(d) Số tiền lãi đối với dư gốc bị quá hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc thực tế bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn)/365.

(e) Số tiền lãi chậm trả lãi bằng (=)∑(số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả lãi nhân (x) số ngày chậm trả lãi thực tế)/365.

2.3 Phí

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Cụ thể các loại phí như sau:

(a) Phí trả nợ trước hạn:

(i) Bên Vay trả nợ trước hạn mà nguồn tiền trả nợ là nguồn vốn vay từ định chế tài chính khác:

Phí phạt trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn (%) x (nhân) Số tiền gốc trả nợ trước hạn. Trong đó, tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu được quy định như sau:

+ Thời hạn vay đã qua < 1/3 thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 5%

+ 1/3 Thời hạn tài khoản vay ≤ Thời hạn vay đã qua < 2/3 Thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 3%.

+ Thời hạn tài khoản vay đã vay ≥ 2/3 Thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 2%

(ii) Bên Vay trả nợ trước hạn mà nguồn tiền trả nợ là các nguồn tiền khác, không phải là vốn vay từ định chế tài chính khác. Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng phí trả nợ trước hạn. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách phí của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng phí trả nợ trước hạn và Các Bên thống nhất áp dụng theo Thông báo phí trả nợ trước hạn của Bên Cho Vay gửi Bên Vay;

(b) Phí cam kết rút vốn: Phí cam kết rút vốn bằng (=) ∑(Số tiền tính phí nhân (X) số ngày chịu phí nhân (X) tỷ lệ phí) chia (:) 365

Trong đó:

+ Số tiền tính phí là số tiền Bên Cho Vay cam kết cho vay

+ Số ngày tính phí: Số ngày từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực tới Ngày giải ngân đầu tiên.

+ Tỷ lệ phí: 1,0%; và

(c) Các loại phí khác theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN NỢ LÃI, GỐC VÀ PHÍ

3.1 Thanh Toán Lãi

(a) Lãi vay trong hạn sẽ được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày 25 (hai mươi lăm) hàng tháng. Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi Khoản Nợ là ngày thanh toán hết Khoản Nợ đó. Trường hợp ngày 25 (hai mươi lăm) hàng tháng không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó ("**Ngày Thanh Toán Lãi**").

Ngày Làm Việc: có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ tại Việt Nam; (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép không giao dịch theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.]

(b) Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (nếu có) và Bên Cho Vay có quyền thu lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (i) ngay khi phát sinh và/hoặc (ii) theo thông báo của Bên Cho Vay và/hoặc (iii) vào Ngày Thanh Toán Lãi nêu tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này.

3.2 Thanh Toán Nợ Gốc

CV56KHDNY22F878AF84862GR40

(a) Bên Vay đồng ý thanh toán Khoản Nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ hoặc thời điểm khác theo sự thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên hoặc theo thông báo lịch trả nợ do Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

Trường hợp ngày thanh toán nợ gốc không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó.

(b) Bên Vay thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn với điều kiện:

(i) Bên Vay phải gửi thông báo về việc đề nghị trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay trước ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc tính đến ngày dự kiến trả nợ trước hạn, trong đó nêu rõ về số tiền đề nghị trả nợ trước hạn, ngày dự kiến trả nợ trước hạn;

(ii) Việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn phải được Bên Cho Vay chấp thuận và tuân theo các điều kiện của Bên Cho Vay;

(iii) Bên Vay sẽ đồng thời trả hết tất cả các khoản lãi cộng dồn phát sinh tính đến thời điểm trả nợ trước hạn, Phí trả nợ trước hạn cùng các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

(iv) Mọi khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự do Bên Cho Vay toàn quyền quyết định. Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, các khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự (i) thu cho kỳ trả nợ cuối cùng; (ii) thu cho kỳ trả nợ tiếp theo liền kề kỳ trả nợ cuối cùng cho đến khi thu hết khoản thanh toán trước hạn.

3.3 Thanh Toán Phí

Các khoản phí (nếu có) sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 Hợp Đồng này và/hoặc ngay khi phát sinh phí.

3.4 Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

(a) Nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà không đủ để thanh toán mọi nghĩa vụ (trừ trường hợp theo quy định của điểm b khoản 3.4 Điều 3 Hợp Đồng này) thì Bên Cho Vay có quyền sử dụng khoản tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ theo thứ tự sau: (i) phí (nếu có); (ii) các khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) (iii) lãi vay đến hạn; và (iv) các khoản nợ gốc đến hạn.

(b) Trường hợp Khoản Nợ bị quá hạn trả nợ thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.5 Đồng Tiền Sử Dụng

Đồng tiền sử dụng để trả nợ theo Hợp Đồng này tương ứng với đồng tiền Bên Vay nhận nợ của Khoản Nợ được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác với đồng tiền nhận nợ thì Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

3.6 Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ, Nợ Quá Hạn

(a) Trong trường hợp Bên Vay yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Vay phải gửi văn bản yêu cầu đến Bên Cho Vay chậm nhất 10 (mười) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn thanh toán nợ gốc, Ngày Thanh Toán Lãi đối với nợ gốc, lãi của Khoản Nợ yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trong đó nêu rõ lý do yêu cầu cơ cấu, lịch trả nợ mới và hồ sơ theo yêu cầu của Bên Cho Vay. Trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Cho Vay phải thông báo cho Bên Vay về việc đồng ý hoặc không đồng ý cho Bên Vay cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp được Bên Cho Vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các bên thực hiện ký văn bản sửa đổi Hợp Đồng này.

(b) Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận tại Hợp Đồng này và/hoặc Giấy Nhận Nợ và không có đủ số dư trên tài khoản để Bên Cho Vay chủ động thu nợ hoặc đã đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ mà không được Bên Cho Vay chấp thuận. Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay về việc số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

CV56KHDNY22F87BAF84862GR40

ĐIỀU 4. CÁC QUY ĐỊNH GIẢI NGÂN

4.1 Điều Kiện Tiên Quyết

Bên Cho Vay chỉ giải ngân Khoản Nợ nếu các điều kiện dưới đây được đáp ứng hoặc được Bên Cho Vay miễn trừ:

(a) Bên Vay đề nghị giải ngân trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức.

(b) Các biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Bên Cho Vay đã được đáp ứng: Cấp tín dụng có đảm bảo một phần bằng tài sản, trong đó:

+ Đối với GHCV ngắn hạn, GH mở LC, GHBL thanh toán: Tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm **tối thiểu 60%.**
+ Đối với GH Bảo lãnh: (i) Đối với Bảo lãnh thanh toán, tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm tối thiểu 40%; (ii) Đối với Bảo lãnh khác, tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm tối thiểu 10%.
+ TSBĐ là bất động sản, tài sản thanh khoản cao và các tài sản khác đáp ứng quy định NHCT.
+ Áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là nhận thế chấp hàng tồn kho và/hoặc quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với tổng giá trị tối thiểu bằng với số dư tín dụng tại Chi nhánh.

(c) Bên Vay đã mở tại Bên Cho Vay (các) tài khoản bằng Việt Nam Đồng ("**Tài Khoản**") và thực hiện việc thanh toán thông qua (các) Tài Khoản mở tại Bên Cho Vay.

(d) Đề nghị giải ngân của Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận

(e) Vào hoặc trước ngày giải ngân Khoản Nợ đầu tiên, Bên Vay phải lập văn bản do người đại diện theo pháp luật của Bên Vay ký và gửi cho Bên Cho Vay có nội dung: (i) những người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ; và (ii) mẫu chữ ký của những người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ. Bên Vay phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Vay trong trường hợp có sự thay đổi về người có thẩm quyền ký Giấy Nhận Nợ. Đồng thời Bên Vay chuyển giao cho Bên Cho Vay các văn bản của cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Bên Vay và theo quy định pháp luật về việc: (i) Thông qua/Quyết định Phương án sản xuất kinh doanh; (ii) Thông qua việc vay vốn, phát hành bảo lãnh và thông qua các biện pháp bảo đảm (thế chấp/cầm cố/ký quỹ); (iii) Thông qua các nội dung tại Hợp đồng cấp tín dụng và Hợp đồng bảo đảm do người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền ký với Bên Cho Vay.

(f) Điều kiện về giải ngân:

- Hạn chế giải ngân cho các đơn vị liên quan. Trường hợp giải ngân thanh toán cho đơn vị liên quan (bên liên quan xác định theo BCTC hàng năm của Công ty, bên liên quan khác theo thẩm định của Bên cho vay), Bên cho vay thực hiện: (i) Không giải ngân thanh toán ứng trước; (ii) Chịu trách nhiệm rà soát hồ sơ chứng từ giải ngân, đảm bảo các giao dịch phát sinh phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, NHCT và Điều lệ Công ty.
- Bên Vay phải cung cấp hồ sơ chứng từ giải ngân, đảm bảo các giao dịch phát sinh phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Bên Vay, có hàng hóa/dịch vụ và dòng tiền luân chuyển tương ứng, phù hợp với quy định của pháp luật, NHCT và Điều lệ của Bên Vay.

(g)

(h) Các điều khoản, điều kiện khác tại Hợp Đồng này và yêu cầu của Bên Cho Vay đã và đang được Bên Vay tuân thủ, thực hiện.

4.2 Giải Ngân Vốn Vay

(a) Khi giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, Bên Vay phải lập, ký ba (3) Giấy Nhận Nợ và gửi kèm theo các tài liệu theo yêu cầu của Bên Cho Vay để chứng minh mục đích sử dụng vốn vay. Trường hợp Bên Vay không lập, ký Giấy Nhận Nợ để thanh toán L/C (nếu có) thì Bên Cho Vay lập và gửi thông báo nhận nợ cho Bên Vay.

(b) Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ bằng phương thức:

(i) Chuyển trực tiếp vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ví dụ như nhà cung cấp, nhà thầu, nhà tư vấn,...);

(ii) Chuyển tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản thanh toán của Bên Vay, trong trường hợp Bên Vay có nhu cầu vay để thanh toán các chi phí khác được Bên Cho Vay chấp thuận và không trái pháp luật.

(c) Ngay sau khi chuyển tiền giải ngân/rút Khoản Nợ, Bên Cho Vay được quyền hạch toán Khoản Nợ và tính lãi trên Khoản Nợ đó từ thời điểm chuyển tiền giải ngân, rút tiền đó.

4.3 Giải Ngân Qua Phương Tiện Điện Tử

Trường hợp Bên Cho Vay tiếp nhận Giấy Nhận Nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua phương tiện điện tử:

(a) Giấy Nhận Nợ được Bên Vay gửi cho Bên Cho Vay qua phương tiện điện tử có giá trị pháp lý và giá trị làm hồ sơ tài liệu, chứng từ chứng minh để Bên Cho Vay thực hiện giải ngân cho Bên Vay theo quy định tại Hợp Đồng này. Giấy Nhận Nợ được ký bằng chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp gắn với thông tin của Bên Vay hoặc chữ ký số tổ chức của Bên Vay đã được đăng ký tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam còn hiệu lực, hợp lệ được gửi qua phương tiện điện tử là bằng chứng nhận nợ của Bên Vay với Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này.

(b) Đối với các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay là thông điệp dữ liệu ký bằng chữ ký số cá nhân của người đại diện hợp pháp gắn với thông tin của Bên Vay hoặc chữ ký số tổ chức của Bên Vay gửi qua phương tiện điện tử: Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay dưới dạng thông điệp dữ liệu do Bên Vay gửi qua phương tiện điện tử được Bên Cho Vay tiếp nhận và xử lý là bản có giá trị pháp lý và giá trị làm hồ sơ tài liệu để Bên Cho Vay xem xét thực hiện giải ngân và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

(c) Đối với các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay là bản scan gửi qua phương tiện điện tử:

- Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn bản scan phải là bản scan màu, không bị mất, nhòe, mờ và nhìn thấy được đầy đủ thông tin để thực hiện giao dịch, thông tin phải toàn vẹn, không có dấu vết tẩy xóa.
- Quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên Cho Vay có quyền yêu cầu Bên Vay cung cấp chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn để thực hiện kiểm tra, đối chiếu bản scan (đã gửi qua phương tiện điện tử) của các khoản giải ngân qua phương tiện điện tử trong kỳ với bản gốc Hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của Bên Vay. Trường hợp Bên Vay không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay bản gốc đúng thời hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay bản gốc khách hàng cung cấp không khớp với nội dung chứng từ bản scan cho Bên Cho Vay hoặc chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay bản gốc có nội dung không đúng với bản scan đã gửi thì chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay bản scan là chứng từ duy nhất có giá trị pháp lý về giao dịch giữa Các Bên. Mọi rủi ro, thiệt hại phát sinh từ việc sai sót này sẽ do Bên Vay chịu trách nhiệm, đồng thời Bên Vay cam kết sẽ gửi bản gốc đúng với bản scan đã gửi để Bên Cho Vay lưu trữ chứng từ.
- Các thông tin trên chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay bản scan do Bên Vay gửi qua phương tiện điện tử được Bên Cho Vay tiếp nhận và xử lý có giá trị pháp lý và có giá trị làm chứng từ, hồ sơ tài liệu để Bên Cho Vay xem xét thực hiện giải ngân và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

ĐIỀU 5. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Bên Vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác giao kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác ("**Hợp Đồng Bảo Đảm**") được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc được xác lập sau thời điểm giao kết Hợp Đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này hoặc dẫn chiếu đến toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay với Bên Cho Vay.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO VAY

6.1 Quyền của Bên Cho Vay

(a) Yêu cầu Bên Vay cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan đến Khoản Nợ, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, đăng ký kinh doanh, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Bên Vay và các thông tin khác theo quy định của Hợp Đồng này trước và trong suốt quá trình vay vốn.

(b) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay.

(c) Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn các Khoản Nợ theo thỏa thuận tại Điều 8 Hợp Đồng này.

(d) Trường hợp Bên Cho Vay chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản của Bên Vay để thu nợ thì có quyền sử dụng tiền trên tài khoản để quy đổi sang đồng tiền phải trả nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay quyết định tại thời điểm quy đổi tiền tệ.

(e) Bên Cho Vay được quyền (i) chia sẻ, cung cấp, chuyển giao, khai thác, xử lý dữ liệu cá nhân do Bên Vay cung cấp phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật và (ii) Sử dụng thông tin tín dụng của Bên Vay để chấm điểm, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm về tín dụng của Bên Vay cho các mục đích đã được quy định tại Hợp đồng này.

(f) Thu nợ trước hạn trong trường hợp Bên Vay thu được tiền bán hàng hình thành từ vốn vay của Bên Cho Vay trước khi Khoản Nợ đến hạn.

(g) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản, trích tiền từ toàn bộ các Hợp đồng tiền gửi (bao gồm cả tiết kiệm online) của Bên Vay mở tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, thực hiện bù trừ nghĩa vụ và bất kỳ biện pháp xử lý tín dụng nào khác để thu nợ gốc, lãi khi quá hạn, đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Hợp Đồng này.

(h) Bên Cho Vay có quyền phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên bất kỳ Tài Khoản của Bên Vay, bao gồm số tiền hiện có trên Tài Khoản và/hoặc số tiền có trên Tài Khoản trong thời gian phong tỏa để phục vụ việc thu nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay theo các nội dung được quy định tại Hợp Đồng này.

(i) Bên Cho Vay có quyền dừng giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy Nhận Nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua phương tiện điện tử từ Bên Vay trong trường hợp:

+ Bên Vay không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng từ bản gốc và/hoặc chứng từ bản gốc khách hàng cung cấp không khớp với nội dung chứng từ bản scan đã được Khách hàng chuyển qua phương tiện điện tử để làm cơ sở giải ngân và theo hướng bất lợi cho Bên Cho vay.

+ Bên Vay vi phạm thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc từ 03 (ba) lần liên tiếp trở lên/kỳ kiểm tra mà thời gian quá hạn (kể từ ngày liền kề sau ngày kết thúc thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc được quy định trong hợp đồng ký với Bên Vay/thỏa thuận khác với Bên Vay) mỗi lần từ 05 (năm) Ngày Làm Việc trở lên.

+ Bên Vay không đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng/giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh phương tiện điện tử theo các quy định hiện hành của Bên Cho Vay.

+ Bên Vay phát sinh nợ quá hạn/có dư nợ bị phân loại nợ từ nhóm 2 trở lên tại các Tổ chức tín dụng (trừ trường hợp chuyển nhóm nợ do lỗi tác nghiệp)/vi phạm các nghĩa vụ cam kết với Bên Cho vay.

(j) Trong thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng, Bên Cho Vay có toàn quyền chuyển giao quyền, trách nhiệm của Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị nào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tiếp nhận và thực hiện mà không cần phải được sự đồng ý của Bên Vay và không phải thực hiện việc ký kết bất kỳ văn bản nào với Bên Vay để thay đổi thông tin của Bên Cho Vay ngoại trừ việc thông báo cho Bên Vay về việc thay đổi này.

(k) Trường hợp chuyển giao quyền của Bên Cho Vay cho bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị nào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam dẫn đến Bên Cho Vay phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì Bên Cho Vay và/hoặc đơn vị tiếp nhận quyền, trách nhiệm của Bên Cho Vay được toàn quyền thay mặt Bên Vay để thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để chuyển giao quyền của Bên Cho Vay.

(l) Bên Cho Vay có quyền yêu cầu Bên Vay thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Giấy Nhận Nợ hoặc ký Giấy Nhận Nợ thay thế trong trường hợp phát hiện có sai sót về thông tin trên Giấy Nhận Nợ đã ký. Nội dung được phép sửa đổi/ bổ sung hoặc thay thế là các sửa đổi bổ sung hoặc thay thế không mang tính chất trọng yếu, không bao gồm việc điều chỉnh các nội dung liên quan đến số tiền vay, số tiền đã giải ngân, ngày giải ngân, thời hạn trả nợ, lãi suất cho vay, số tài khoản của bên thụ hưởng, số tiền nhận nợ, không dẫn đến thay đổi/thay thế các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Giấy Nhận Nợ theo quy định tại khoản này nhằm hoàn thiện hồ sơ giải ngân theo đúng quy định, đảm bảo không làm thay đổi bản chất giao dịch giải ngân và không ảnh hưởng đến các nội dung giải ngân đã thực hiện. Hình thức sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Giấy Nhận Nợ có thể được thực hiện dưới dạng văn bản có chữ ký trực tiếp hoặc dưới hình thức điện tử phù hợp với quy định của Bên Cho Vay và quy định của pháp luật.

(m) Bên Cho Vay thực hiện kiểm tra, giám sát sau cấp tín dụng như sau:

+ Định kỳ hàng tháng: Tra cứu thông tin CIC (riêng CIC TSBĐ có thể tối đa 3 tháng/lần), tra cứu bản tin đăng ký GDBĐ trực tuyến, đánh giá tình hình quan hệ tín dụng, thế chấp tài sản của Công ty tại các TCTD đảm bảo dư nợ vay ngắn hạn tại các TCTD phù hợp với quy mô hoạt động, nhu cầu vốn thực tế của Công ty.
+ Định kỳ hàng quý (trên cơ sở hồ sơ Công ty cung cấp và kiểm tra thực tế của Bên cho vay) (i) Tình hình thực hiện các cam kết tại HĐCTD; (ii) Quy mô doanh thu, lợi nhuận, mức độ thực hiện so với kế hoạch; (iii) Tình hình cân đối nợ vay, chất lượng các khoản mục trọng yếu như phải thu, hàng tồn kho; (iv) kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất; (iv) Các dấu hiệu rủi ro tín dụng khác (nếu có).

- **Trên cơ sở kết quả kiểm tra đánh giá định kỳ:**

+ Trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện Về dòng tiền lũy kế 02 Quý liên tiếp hoặc điều kiện Về tài chính tại HĐCTD, Bên cho vay thực hiện rút giảm dư nợ theo nguyên tắc giải ngân tối đa 80% doanh số thu nợ hoặc cấp tín dụng có bảo đảm đầy đủ cho đến khi Công ty khắc phục.

- Trường hợp Công ty không đáp ứng cam kết điều kiện khác theo HĐCTD hoặc có dấu hiệu rủi ro, Chi nhánh làm việc với Công ty tìm hiểu nguyên nhân yêu cầu Công ty đưa ra lộ trình khắc phục và giám sát kết quả thực hiện

- Định kỳ hoặc đột xuất Bên cho vay được quyền kiểm tra thực tế tình hình thực tế tình hình sản xuất kinh doanh, tất cả kho hàng của Bên vay, kho đối tác mà Bên vay gửi hàng, kho thuê ngoài, hàng gửi cảng, hàng đi đường, ...kết hợp với việc đánh giá tình hình tài chính của Bên vay. Bên vay phải đồng ý vô điều kiện các ứng xử tín dụng của Bên Cho vay

- Trường hợp tình hình tài chính, kết quả kinh doanh suy giảm dẫn đến khả năng trả nợ không đảm bảo, Bên Cho Vay được toàn quyền sai áp, quản lý, xử lý hàng tồn kho, khoản phải thu thuộc sở hữu Bên Vay trong phạm vi giá trị bằng số dư nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ phát sinh khác tại Bên Cho vay.

- Trường hợp phát hiện các rủi ro tiềm ẩn, Bên Cho vay có quyền có ứng xử tín dụng phù hợp. Bao gồm nhưng không giới hạn: dừng giải ngân, tăng tỷ lệ tài sản bảo đảm, rút giảm giới hạn tín dụng, thu hồi nợ trước hạn, ... Bên vay phải đồng ý vô điều kiện các ứng xử tín dụng của Bên Cho vay.

(n) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của Bên Cho Vay

CV56KHDNY22F878AF84862GR40

(a) Cung ứng vốn vay theo thoả thuận tại Hợp Đồng này;

(b) Sử dụng các thông tin do Bên Vay cung cấp đúng mục đích, theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật;

(c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

7.1 Quyền của Bên Vay

(a) Được nhận tiền vay theo các điều kiện thỏa thuận trong Hợp Đồng này;

(b) Từ chối các yêu cầu của Bên Cho Vay không đúng các thỏa thuận trong Hợp Đồng này.

(c) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

7.2 Nghĩa vụ của Bên Vay

(a) Cam đoan và bảo đảm về việc đã tìm hiểu, hiểu rõ và đồng ý toàn bộ các thông tin do Bên Cho Vay cung cấp trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; các loại phí và mức phí...và các thông tin khác liên quan đến các Khoản Vay.

(b) Cam đoan và bảo đảm đã hoàn tất các thủ tục nội bộ và thủ tục khác để được phép ký kết, thực hiện Hợp Đồng này.

(c) Sử dụng khoản nợ đúng mục đích và dùng toàn bộ nguồn thu để trả nợ và thanh toán gốc, lãi vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận tại Hợp Đồng này.

(d) Cung cấp cho Bên Cho Vay kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, chứng từ: (i) liên quan tới tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Báo cáo tài chính nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp Bên Vay phải lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật, ..) và các thông tin khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay và/hoặc ngay khi xảy ra sự kiện quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh doanh của Bên Vay (như thay đổi nhân sự chủ chốt, thay đổi cơ cấu sở hữu vốn, thay đổi tài sản....) và; (ii) theo quy định của Bên Cho Vay phục vụ cho việc xem xét quyết định phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định, cũng như các thông tin, tài liệu khác theo quy định/yêu cầu của Bên Cho Vay trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật; và (iii) Thông tin về các Chủ sở hữu hưởng lợi của Bên Vay theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên Cho Vay; và (iv) Trường hợp cổ đông/thành viên góp vốn của Bên Vay có nhu cầu chuyển nhượng từ 10% vốn điều lệ trở lên tại Bên Vay cho bên thứ ba, Bên Vay phải thông báo cho Bên Cho Vay để Bên Cho Vay có các biện pháp đánh giá và có biện pháp xử lý tín dụng phù hợp. Bên Vay chịu trách nhiệm trước pháp luật về về tính chính xác, trung thực của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay và cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên Cho Vay ngay khi có thay đổi các thông tin, tài liệu nêu trên

(e) Không thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn tài sản được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay (bao gồm cả quyền tài sản, lợi ích có được từ việc định đoạt các tài sản đó) và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn các khoản phải thu được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ tổ chức/cá nhân khác ngoài Bên Cho Vay, trừ trường hợp Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản.

(f) Bên Vay có nghĩa vụ bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm khác hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay trong các trường hợp: (i) giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm bị suy giảm giá trị; (ii) tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thất lạc, bị kê biên, phong tỏa, bị thu hồi và/hoặc (iii) Hợp Đồng Bảo Đảm bị chấm dứt (trừ trường hợp theo thỏa thuận của các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm), bị tuyên bố vô hiệu và/hoặc (iv) bên bảo lãnh suy giảm khả năng tài chính theo đánh giá của Bên Cho Vay và/hoặc (v) văn bản bảo lãnh chấm dứt, vô hiệu, không thể thực hiện được.

(g) Chấp thuận và tạo điều kiện thuận lợi để Bên Cho Vay theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên Vay.

(h) Bên Vay xác nhận và đồng ý rằng Bên Cho Vay được toàn quyền thu thập, xử lý dữ liệu, thông tin, tài liệu mà Bên Vay cung cấp theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ

liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ (bao gồm dữ liệu cá nhân của người đại diện hợp pháp của Bên Vay, lãnh đạo, cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu hưởng lợi của Bên Vay ....) cho các mục đích phục vụ giao kết, thực hiện Hợp Đồng này, phục vụ các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm/dịch vụ của Bên Cho Vay theo quy định của pháp luật.

Bên Vay đồng ý ủy quyền vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Cho Vay được phép liên hệ với các tổ chức, cá nhân khác để thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật các thông tin liên quan đến Bên Vay (bao gồm các dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Bên Vay, lãnh đạo, thành viên góp vốn, cổ đông, chủ sở hữu hưởng lợi của Bên Vay...) để phục vụ cho mục đích giao kết, thực hiện Hợp Đồng này và cho phép các tổ chức cá nhân này được cung cấp thông tin của Bên Vay mà tổ chức, cá nhân đó đang nắm giữ, lưu trữ cho Bên Cho Vay và Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay phục vụ cho mục đích giao kết và thực hiện Hợp Đồng này.

Bên Vay đã hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ của mình đối với các dữ liệu mà Bên Vay cung cấp và đồng ý cho Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ.

(i) Trong quá trình giao kết, thực hiện Hợp đồng, Bên Vay cam kết không ký khống chứng từ, tài liệu, không ký khi chưa đọc nội dung, không ký khi nội dung chưa đúng, chưa đủ nội dung giao dịch. Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp pháp của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin do Bên Vay cung cấp và được thể hiện tại Hợp đồng và tài liệu liên quan, các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn,...).

Trong trường hợp Bên Vay vi phạm cam kết quy định tại điều khoản này dẫn đến việc cấp tín dụng và việc giao kết, thực hiện Hợp Đồng này của Bên Cho Vay bị ảnh hưởng, Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay, đồng thời Bên Vay cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với Bên Cho Vay về việc này.

(k) Bên Vay cam kết không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, không vay ké, không vay hộ dẫn đến ảnh hưởng bất lợi cho Bên Cho Vay. Bên Vay tự chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và Bên Cho Vay trong trường hợp vi phạm cam kết này.

(l) Bên Vay đồng ý thanh toán hoặc hoàn trả các nghĩa vụ tài chính đã nhận được từ việc phát sinh lỗi hệ thống và hoặc bất kỳ sự kiện rủi ro nào khác phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch theo Hợp Đồng này (nếu có).

(m) Trừ trường hợp Bên Cho Vay chấp thuận bằng văn bản, Bên Vay sẽ sử dụng ngay tiền thu được từ bán, cho thuê sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ hình thành từ vốn vay để trả nợ cho Bên Cho Vay cho dù chưa đến hạn.

(n) Bảo hiểm: Bên Vay sẽ mua và duy trì, hoặc buộc bên thứ ba mua và duy trì bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến đối tượng phải mua bảo hiểm theo quy định của Bên Cho Vay với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng số dư tín dụng được đảm bảo và Bên Cho Vay được ghi bên thụ hưởng tiền bảo hiểm đầu tiên.

(o) Tài khoản: (i) Bên Vay sẽ duy trì các Tài Khoản; và (ii) Bên Vay sẽ gửi và chuyển toàn bộ/tối thiểu tương ứng với tỷ lệ cấp tín dụng tiền bán hàng và tất cả các khoản tiền khác mà Bên Vay có hoặc sẽ nhận được vào (các) Tài Khoản.

(p) Thông báo cho Bên Cho Vay và chỉ thực hiện tạm ngừng kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, nộp đơn phá sản, cổ phần hóa doanh nghiệp hoặc bất kỳ hình thức tái tổ chức nào sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Bên Cho Vay.

(q) Cam kết rút vốn tối thiểu 10% Hạn Mức Cho Vay trong thời gian duy trì hạn mức. Số tiền mỗi lần rút vốn không thấp hơn 100 triệu đồng ngoại trừ lần giải ngân cuối cùng, hoặc một số tiền khác được Bên Cho Vay chấp thuận .

(r) Bồi thường cho Bên Cho Vay các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ và liên quan tới Hợp Đồng này mà Bên Cho Vay phải gánh chịu do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

(s) Chấp thuận và đồng ý cho Bên Cho Vay được quyền chủ động trích (ghi Nợ) Tài Khoản, trích tiền từ toàn bộ các Hợp đồng tiền gửi (bao gồm cả tiết kiệm online) của Bên Vay mở tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, thực hiện bù trừ nghĩa vụ và bất kỳ biện pháp xử lý tín dụng nào khác để thu nợ gốc, lãi khi đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Bên Cho Vay từng thời kỳ.

(t) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay để thực hiện thu gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay với các nội dung chi tiết như sau:

(i) Điều kiện để Bên Cho Vay thực hiện phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này; và/hoặc

(ii) Thời điểm Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay đồng ý về việc sau khi phát sinh trường hợp để Bên Cho Vay thực hiện phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay theo điểm (i) nêu trên, Bên Cho Vay được quyền chủ động theo dõi, đánh giá tình hình Bên Vay để quyết định thời điểm thực hiện phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay.

(iii) Số tiền tạm khoá và chấm dứt phong tỏa mà Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay theo Hợp Đồng này:

+ Số tiền thực hiện phong tỏa trên Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền quyết định số tiền phong tỏa trên các Tài Khoản của Bên Vay tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn hoặc tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc quá hạn của các Khoản Nợ của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này. Trong thời gian phong tỏa các Tài Khoản của Bên Vay, Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chủ động điều chỉnh số tiền phong tỏa của Bên Vay.

+ Thời gian phong tỏa Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chấm dứt phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền phong tỏa trên các Tài Khoản của Bên Vay và trích (ghi Nợ) các Tài Khoản của Bên Vay đối với số tiền chấm dứt phong tỏa để thu các khoản gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này và/hoặc Bên Cho Vay được quyền chấm dứt phong tỏa Tài Khoản khi Bên Vay không còn bất kỳ khoản nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính quá hạn nào khác phát sinh theo Hợp Đồng này.

(u) Trường hợp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khoản tiền Bên Vay trả nợ cho Bên Cho Vay bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ, Bên Cho Vay sẽ ghi nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi và Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền đó cho Bên Cho Vay trong thời hạn do Bên Cho Vay thông báo.

(v) Bên Vay cam kết gửi Báo cáo tài chính kiểm toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm liền kề hoặc gửi Báo cáo tài chính thuế trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên Vay nộp Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế. Trường hợp Bên Vay chậm gửi báo cáo tài chính kiểm toán hoặc báo cáo tài chính thuế trong thời hạn trên mà không được Bên Cho Vay chấp thuận gia hạn thời gian và hoặc Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo tài chính thuế thể hiện Bên Vay không đáp ứng các điều kiện cho vay và duy trì khoản vay của Bên Cho Vay thì Bên Vay chấp thuận và đồng ý cho Bên Cho Vay được toàn quyền áp dụng các biện pháp xử lý tín dụng bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp như: ngừng cấp tín dụng không có bảo đảm; yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm cấp tín dụng; thu hồi nợ trước hạn và các biện pháp xử lý tín dụng khác theo quyết định của Bên Cho Vay.

(x) Đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn dưới dạng thông điệp dữ liệu và các chứng từ khác được gửi dưới dạng scan/bản gốc.

(y) Định kỳ hàng tháng cung cấp bản gốc chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn cho Bên Cho Vay đối với các chứng từ đã gửi bản scan màu qua kênh phương tiện tử theo yêu cầu của Bên Cho

Vay, đảm bảo đúng thời hạn cung cấp và đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ, có nội dung khớp đúng, so với các chứng từ đã gửi qua kênh phương tiện điện tử.

(z) Bên Cho Vay có quyền từ chối thực hiện giải ngân trong trường hợp đánh giá chứng từ giải ngân gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh phương tiện điện tử không đáp ứng đầy đủ tính hợp pháp/hợp lý/hợp lệ theo quy định hiện hành pháp luật và của Bên Cho Vay.

(aa) Trường hợp thực hiện giải ngân thông qua tiếp nhận chứng từ giải ngân gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh phương tiện điện tử, Bên Cho Vay tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo nguyên tắc sau:

- Nếu thông điệp dữ liệu được Bên Vay hoàn tất gửi và thông báo đến Bên Cho Vay trước thời điểm 15:30 của Ngày Làm Việc thì thời điểm tiếp nhận và bắt đầu giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Bên Cho Vay nhận được thông báo của hệ thống trong Ngày Làm Việc đó. Trường hợp Bên Vay đề nghị giải ngân tại thời điểm khác với ngày hoàn tất gửi hồ sơ, Bên Cho Vay bắt đầu giải quyết hồ sơ từ thời gian bắt đầu làm việc của ngày giải ngân mà Bên Vay đề xuất.

- Nếu thông điệp dữ liệu được Bên Vay hoàn tất gửi và thông báo đến Bên Cho Vay sau thời điểm 15:30 của Ngày Làm Việc thì thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính từ Ngày Làm Việc liền kề tiếp theo ngay sau đó.

(ab) Bên Vay đồng ý và chấp thuận rằng trong thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng, Bên Cho Vay có toàn quyền chuyển giao quyền, trách nhiệm của Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị nào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tiếp nhận và thực hiện mà không cần phải được sự đồng ý của Bên Vay. Bên Vay đồng ý và không yêu cầu Bên Cho Vay phải thực hiện việc ký kết bất kỳ văn bản nào với Bên Vay để thay đổi thông tin của Bên Cho Vay. Bên Vay đồng ý và chấp thuận thực hiện theo thông báo của Bên Cho Vay về việc thay đổi này.

(ac) Bên Vay đồng ý và chấp thuận rằng trường hợp Bên Cho Vay chuyển giao quyền của Bên Cho Vay cho bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị nào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam dẫn đến Bên Cho Vay phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì Bên Cho Vay và/hoặc đơn vị tiếp nhận quyền, trách nhiệm của Bên Cho Vay được toàn quyền thay mặt Bên Vay để thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để chuyển giao quyền của Bên Cho Vay. Bên Vay đồng ý với việc Bên Cho Vay thực hiện các thủ tục này.

(ad) Bên Vay có trách nhiệm thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Giấy Nhận Nợ hoặc ký Giấy Nhận Nợ thay thế theo yêu cầu của Bên Cho Vay trong trường hợp phát hiện có sai sót về thông tin trên Giấy Nhận Nợ đã ký theo nội dung quy định tại Khoản 6.1 Điều 6 Hợp Đồng này

(ae) Trường hợp Bên Vay không thực hiện việc ký bổ sung Giấy Nhận Nợ hoặc ký Giấy Nhận Nợ thay thế theo yêu cầu hợp lý của Bên Cho Vay, Bên Vay có trách nhiệm tất toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản vay phát sinh từ Giấy Nhận Nợ có sai sót trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên Cho Vay. Quá thời hạn này, Bên Cho Vay có quyền áp dụng các biện pháp xử lý nợ theo quy định.

(af) Bên Vay chỉ được thực hiện sửa đổi, bổ sung Giấy Nhận Nợ hoặc ký Giấy Nhận Nợ thay thế trong trường hợp được Bên Cho Vay đồng ý.

(ag) Bên Vay cam đoan, bảo đảm và cam kết với Bên Cho Vay rằng:

(i) Các thông tin trên Giấy Nhận Nợ, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay và các tài liệu khác có liên quan (dưới dạng thông điệp dữ liệu qua phương tiện điện tử) được cung cấp cho Bên Cho Vay là đúng, chính xác, toàn vẹn trên mọi khía cạnh so với bất kỳ tài liệu, chứng từ gốc tương ứng nào;

(ii) Người ký số/gửi các tài liệu, chứng từ đó có đầy đủ năng lực và thẩm quyền để thực hiện các hành động đó;

(iii) Giấy Nhận Nợ, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay và các tài liệu khác có liên quan được cung cấp theo đúng thời hạn và hình thức theo yêu cầu của Bên Cho Vay;

(iv) Bên Cho Vay được miễn trừ trách nhiệm đối với bất kỳ hậu quả nào xảy ra do Bên Vay chậm chễ trong việc cung cấp các hồ sơ, tài liệu quy định tại Hợp đồng này và do việc Bên Cho Vay thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình dựa trên các hồ sơ, tài liệu mà Bên Vay cung cấp.

(v) Bên Vay chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh trong quá trình giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy Nhận Nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua phương tiện điện tử từ Bên Vay. Trường hợp xảy ra các rủi ro và thiệt hại cho Bên Cho Vay, Bên Vay cam kết bồi hoàn đầy đủ mọi tổn thất và chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các chi phí khiếu nại, kiện cáo, các chi phí pháp lý và các nghĩa vụ tài chính khác) phát sinh từ việc Bên Cho Vay thực hiện theo Giấy Nhận Nợ do Bên Vay cung cấp.

(ah) Bên Vay cam kết và thực hiện:

- **Về dòng tiền:** Chuyển/nộp doanh thu từ bán hàng và các nguồn thu khác của Công ty về tài khoản của Công ty mở tại Chi nhánh tối thiểu bằng tỷ lệ cấp tín dụng của NHCT so với các TCTD khác (trong đó doanh số tiền về là doanh thu trực tiếp từ bán hàng tối thiểu 110% doanh số cho vay).
- **Về tài sản bảo đảm:**
  + Không cầm cố thế chấp hàng tồn kho và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế do NHCT tài trợ cho các TCTD khác.
  + Duy trì việc mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo thuộc diện bắt buộc mua bảo hiểm theo quy định của NHCT và ủy quyền thụ hưởng đầu tiên cho Chi nhánh trong suốt thời gian Công ty còn dư nợ tại Chi nhánh.
- **Về tài chính:** Tại các kỳ báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, Công ty duy trì: (i) Kết quả kinh doanh có lãi; (ii) Cân đối hình thái nợ vay ngắn hạn và vốn lưu chuyển dương (có xét đến các khoản mục theo đúng tính chất về kỳ hạn); (iii) Không phát sinh các khoản cho vay/tạm ứng đối với các bên liên quan (iv) Duy trì các khoản vay dài hạn của các bên liên quan hoặc các nguồn tài trợ khác có kỳ hạn tương ứng/giữ lại lợi nhuận sau thuế để tăng cường năng lực tài chính cho Công ty, đảm bảo hệ số tự tài trợ tối thiểu 20%.
- **Về cung cấp hồ sơ:** Tiếp tục kiểm toán BCTC hàng năm. Định kỳ cung cấp BCTC quý/năm (Tối đa 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính), cung cấp cho ngân hàng kịp thời và đầy đủ số liệu về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, tờ khai VAT, chi tiết phát sinh các khoản mục phải thu, phải trả, hàng tồn kho, chi tiết doanh thu và các tài khoản trọng yếu khác theo yêu cầu của Chi nhánh. Phối hợp với Chi nhánh thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ/đột xuất khi có yêu cầu.
- Thông báo cho NHCT ngay khi có thay đổi lớn về cơ cấu chủ sở hữu, thành phần Ban lãnh đạo, năng lực kinh doanh và các pháp lý hoạt động liên quan.
- Đảm bảo tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu hình thành từ vốn cấp tín dụng của NHCT tối thiểu bằng số dư tín dụng của Công ty tại NHCT tại mọi thời điểm.
- Trường hợp Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện cam kết, NHCT có quyền áp dụng các điều chỉnh nội dung cấp tín dụng, ứng xử tín dụng cần thiết đối với Công ty cho đến khi khắc phục.

(ai) Nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này theo quy định pháp luật .

ĐIỀU 8. CHẤM DỨT CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

8.1 Bên Cho Vay được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ dư nợ gốc và lãi cộng dồn (vào ngày do Bên Cho Vay ấn định bằng thông báo cho Bên Vay) khi phát sinh hoặc tiếp diễn một trong các sự kiện sau:

(a) Bên Vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc đến hạn của bất kỳ Khoản Nợ nào, lãi đến hạn tính trên bất kỳ Khoản Nợ nào, và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm.

(b) Bên Vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ pháp lý tương đương và/hoặc (i) Giấy phép kinh doanh và các giấy tờ pháp lý tương đương; hoặc (ii) Bên Vay bị chủ nợ, đại diện công đoàn, đại diện người lao động hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác nộp đơn yêu cầu tòa án tuyên bố phá sản; hoặc (iii) Bên Vay nộp đơn yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản; hoặc (iv) Bên Vay tạm ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố ngừng hoặc tạm ngừng một phần đáng kể hoạt động

của mình; hoặc (v) giải thể; hoặc (vi) không còn khả năng hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

(c) Bất kỳ hành động hoặc sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện nào xảy ra cho dù có liên quan hay không mà theo đánh giá của Bên Cho Vay sẽ gây ra thay đổi bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình tài chính hoặc khả năng trả nợ của Bên Vay.

(d) Bên Vay vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp Đồng này và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Bên Cho Vay mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà Bên Cho Vay yêu cầu.

(e) Trường hợp Bên Cho Vay thông báo về sai sót liên quan đến chứng từ đã được ký số mà Bên Vay không thực hiện việc ký bổ sung Giấy Nhận Nợ hoặc ký Giấy Nhận Nợ thay thế theo yêu cầu hợp lý của Bên Cho Vay theo quy định tại Khoản 6.1 Điều 6 Hợp Đồng này thì Bên Cho Vay thực hiện chấm dứt giải ngân qua phương tiện điện tử đối với Bên Vay và thu hồi nợ trước hạn.

(f) Vi phạm chéo: (i) Bên Vay không thực hiện hoặc không tuân thủ các nghĩa vụ theo bất kỳ thỏa thuận hoặc văn bản nào liên quan đến bất kỳ khoản nợ nào của Bên Vay và/hoặc các Bên Có Liên Quan (trừ các khoản nợ đến hạn theo Hợp Đồng này) tại Bên Cho Vay; hoặc (ii) Bên Vay có dư nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác.

8.2 Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo như thông báo của Bên Cho Vay. Ngoài các quyền và biện pháp khắc phục được phép theo pháp luật và Hợp Đồng này, Bên Cho Vay có quyền áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp khắc phục sau đây:

(a) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản hoặc bất kỳ tài khoản nào tại bất kỳ Chi nhánh nào của NHCTVN để thu nợ.

(b) Bù trừ nghĩa vụ nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng này với nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay (bao gồm cả các Chi nhánh khác của NHCTVN) với Bên Vay phát sinh theo bất kỳ thoả thuận nào đã được xác lập trước đó; Trường hợp nghĩa vụ nợ theo Hợp Đồng này và nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay với Bên Vay theo thỏa thuận khác có loại đồng tiền khác nhau, Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

(c) Đại diện và nhân danh Bên Vay yêu cầu và/hoặc Lập lệnh chi và/hoặc Uỷ nhiệm chi gửi các tổ chức tín dụng khác (bao gồm cả Chi nhánh của Tổ chức tín dụng đó) để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó về Tài Khoản để thu nợ.

(d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm nào theo bất kỳ phương thức hoặc trình tự nào mà Bên Cho Vay cho là thích hợp, phù hợp với thoả thuận tại Hợp Đồng Bảo Đảm.

(e) Thực hiện bất kỳ thủ tục pháp lý nào để yêu cầu Bên Vay thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 9. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

9.1 Phạt Vi Phạm

Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc sau khi được yêu cầu, Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay:

(a) Khoản tiền phạt vi phạm được tính bằng 1% trên Hạn Mức Cho Vay nếu hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức của Hợp Đồng này mà không có Khoản Nợ nào (trừ Khoản Nợ theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này) được giải ngân theo Hợp Đồng này hoặc tổng số tiền giải ngân của các Khoản Nợ theo Hợp Đồng này ít hơn Hạn Mức Cho Vay theo quy định tại Hợp Đồng này.

(b) Khoản tiền phạt vi phạm được tính bằng 1% trên số tiền bị vi phạm nếu số tiền của mỗi lần giải ngân ít hơn quy định tại Hợp Đồng này.

9.2 Bồi thường thiệt hại

Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, Bên Cho Vay đồng ý không yêu cầu Bên Vay phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên Vay. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất

rằng, tùy thuộc vào quy định bồi thường thiệt hại của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ, Bên Cho Vay được quyền yêu cầu Bên Vay phải bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được áp dụng theo thông báo của Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

10.1 Thông Báo

(a) Hình thức thông báo: Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp Đồng này được gửi đi bằng một trong các hình thức: (i) email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác (như tin nhắn gửi qua số điện thoại, hệ thống VietinBank iPay, VietinBank Efast…) (ii) đường bưu điện, (iii) giao tận tay hoặc (iv) fax (và các bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng hai (02) Ngày Làm Việc sau đó) theo địa chỉ được ghi cụ thể dưới đây:

Bên Cho Vay	**Bên Vay**
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ	**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**
Địa chỉ: Số 59-59A đường Phan Đình Phùng, Phường Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Người nhận: PHÒNG KHDN	Người nhận: PHÒNG KẾ TOÁN

Các Bên thống nhất rằng, Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo, thông tin cho Bên Vay và các Thông báo, thông tin này là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Bên Vay được quyền áp dụng hình thức gửi thông báo qua kênh điện tử, nền tảng công nghệ theo hướng dẫn của NHCTVN trong từng thời kỳ hoặc áp dụng các hình thức gửi thông báo, thông tin khác theo quy định tại Hợp Đồng này

(b) Bên Vay cam kết rằng Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay sẽ duy trì/có mặt tại địa chỉ nêu tại điểm 10.1(a) hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Bên Cho Vay để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp Đồng. Trường hợp Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay không duy trì/có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Bên Cho Vay thì Bên Vay/Người đại diện hợp pháp được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp Đồng. Khi đó, Bên Cho Vay được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án cấp có thẩm quyền thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.

(c) Trường hợp việc gửi thông báo được thực hiện qua email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác, Bên Vay đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào email; (ii) truy cập vào các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của Bên Vay, (iii) nhập mã OTP (One Time Pasword) do Bên Cho Vay gửi đến số điện thoại của Bên Vay đã đăng ký với Bên Cho Vay và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do Bên Cho Vay thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để Bên Vay đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với Bên Cho Vay khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng/xác thực này thể hiện ý chí chấp thuận của Bên Vay về các thông báo, điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với Bên Cho Vay.

10.2 Sửa Đổi, Bổ Sung Hợp Đồng

Trừ trường hợp được quy định một cách rõ ràng khác đi, Hợp Đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi có văn bản sửa đổi, bổ sung có chữ ký của các bên tham gia Hợp Đồng này.

10.3 Chuyển Nhượng Hợp Đồng

(a) Bên Cho Vay có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bên thứ ba mà không cần

phải có sự chấp thuận của Bên Vay, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng.

(b) Bên Vay được quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm khi được Bên Cho Vay đồng ý trước bằng văn bản.

10.4 Tiết Lộ Thông Tin

a. Tiết lộ thông tin cho Công ty Thông tin tín dụng

a.1) Thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty CP thông tin tín dụng Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007 và các lần đăng ký thay đổi (nếu có) (hoặc các Công ty thông tin tín dụng khác mà Bên Cho Vay dự kiến là tổ chức tham gia) ("***Công ty thông tin tín dụng***"):

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

(iii) Khi Công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên Cho Vay sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho Công ty thông tin tín dụng và Bên Vay đồng ý thông tin tín dụng của Bên Vay tại Công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Bên Cho Vay có trách nhiệm thông báo với Bên Vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên Vay trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên Cho Vay nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

(iv) Bên Vay đồng ý rằng Công ty thông tin tín dụng được sử dụng các thông tin tín dụng của Bên Vay do Bên Cho Vay cung cấp để sử dụng vào các mục đích và cung cấp thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

a.2) Thỏa thuận về việc Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

b. Tiết lộ thông tin:

Bên Cho Vay phải bảo mật bất kỳ thông tin nào (thông tin liên quan tới Hợp Đồng này, các thông tin về tất cả các giao dịch, quan hệ tín dụng giữa Các Bên) được cung cấp bởi Bên Vay hoặc nhân danh Bên Vay, trừ trường hợp: (i) thông tin được công bố công khai mà không phải là hậu quả của việc Bên Cho Vay vi phạm điểm này; (ii) liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng trọng tài hoặc thủ tục pháp lý nào; (iii) nếu được yêu cầu theo quy định pháp luật có liên quan; (iv) cung cấp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (v) cung cấp cho các cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán Bên Cho Vay; (vi) cho các chuyên gia tư vấn, cổ đông của Bên Cho Vay; (vii) cung cấp cho các tổ chức/cá nhân tiến hành thẩm định và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, vốn cho Bên Cho Vay với điều kiện các tổ chức/cá nhân đó đã thoả thuận bảo mật thông tin với Bên Cho Vay; (viii) cung cấp cho các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc các trường hợp khác được Bên Vay chấp thuận; (ix) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân (bao gồm cả việc cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin của Bên Cho Vay) nhằm phục vụ cho mục đích sau:

- Bán khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;
- Xử lý tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm theo các Hợp Đồng Bảo Đảm;

CV5GKHDNY22F878AF84862GR40

- Để thực hiện công việc theo ủy quyền của Bên Cho Vay đối với việc quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;

- Thực hiện bất kỳ phương thức quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng phù hợp với quy định pháp luật.

10.5 Luật Điều Chỉnh, Cơ Quan Giải Quyết Tranh Chấp

(a) Hợp Đồng này, các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này được giải thích, điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

(b) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp Đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở của Bên Cho Vay nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

10.6 Số Bản Gốc

Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba)bản gốc có hiệu lực ngang nhau. Bên Cho Vay giữ 02 (hai)bản gốc và Bên Vay giữ 01 (một) bản gốc.

10.7 Hiệu Lực

Hợp Đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày giao kết Hợp Đồng. Khi Bên Vay trả hết nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) đồng thời hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức theo Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này mặc nhiên được thanh lý.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THOẢ THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, Bên Vay đã đọc, hiểu rõ nội dung, thông tin tại Hợp Đồng này. Bên Vay xác nhận trước khi giao kết Hợp Đồng này, Bên Vay đã được Bên Cho Vay cung cấp đầy đủ thông tin về giao kết, thực hiện Hợp Đồng, Thông báo điều kiện, điều khoản cơ bản trước khi giao kết Hợp Đồng và đã ký xác nhận đối với Thông báo này.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG HAMACO MSDN: 1800506678

Mai Bảo Ngọc

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

M.S.C.N: 0100111948 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH CẦN THƠ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 017883 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày 30-10-2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

PHƯỜNG NINH KIỀU TP CẦN THƠ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Lưu Thanh Sang

PHỤ LỤC I

DANH MỤC
CÁC KHOẢN NỢ VAY PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC SỐ 150/2024-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP VẬT TƯ HẬU GIANG NGÀY 02/12/2024

STT	Số tài khoản	Dư nợ hiện tại (đồng)	Lãi suất áp dụng (%/năm)	Ngày điều chỉnh lãi suất định kỳ	Ngày trả nợ gốc
1	804007325925	8.500.000.000	4,9	Ngày 01 hàng tháng	18/12/2025
2	808007341262	17.273.428.007	4,9	Ngày 01 hàng tháng	25/12/2025
3	802007383608	5.300.000.000	4,9	Ngày 01 hàng tháng	12/01/2026
4	806007390312	4.000.000.000	4,9	Ngày 01 hàng tháng	16/01/2026
5	809007397390	11.100.000.000	4,9	Ngày 01 hàng tháng	19/01/2026
6	800007409938	10.000.000.000	4,9	Ngày 01 hàng tháng	26/01/2026
7	806007416410	17.653.736.595	4,9	Ngày 01 hàng tháng	26/01/2026
8	801007420522	3.850.427.625	4,9	Ngày 01 hàng tháng	29/01/2026
9	806007445120	4.643.440.214	4,9	Ngày 01 hàng tháng	09/02/2026
10	809007506518	4.200.000.000	6	Ngày 01 hàng tháng	09/03/2026
11	802007510375	22.605.727.351	6	Ngày 01 hàng tháng	10/03/2026
12	803007518612	7.500.000.000	6	Ngày 01 hàng tháng	13/03/2026
13	801007535399	6.103.376.854	6,3	Ngày 01 hàng tháng	21/12/2025
14	809007549990	18.213.770.698	6,3	Ngày 01 hàng tháng	30/03/2026
Tổng cộng		**140.943.907.344**			

CV56KHDNY22FB78AFB4B62GR9G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, Ngày 12 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN TRƯỚC KHI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG CHO VAY

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Trên cơ sở xem xét đề nghị vay vốn của Quý khách hàng, chúng tôi, NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ ("NHCTVN"), kính thông báo tới Quý khách hàng các điều khoản, điều kiện cơ bản trước khi giao kết Hợp Đồng Cho Vay như sau:

1 - Điều kiện khách hàng vay vốn:

1. GHTD và khoản tín dụng:	
1.1. GHTD:	
GHTD, trong đó:	**340.000 triệu đồng** (*Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tỷ đồng*).
- Giới hạn cho vay ngắn hạn	300.000 triệu đồng
Giới hạn cho vay ngắn hạn khả dụng	*170.000 triệu đồng*
- Giới hạn mở L/C	200.000 triệu đồng
- Giới hạn bảo lãnh	100.000 triệu đồng
Giới hạn bảo lãnh khả dụng	*80.000 triệu đồng*
Mục đích sử dụng vốn tín dụng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Phương thức cấp tín dụng	
- Cho vay ngắn hạn	Hạn mức.
- Mở L/C, phát hành bảo lãnh	Từng lần/Hạn mức theo quy định.
Thời hạn duy trì GHTD	Đến hết ngày **30/11/2026**.
Biện pháp bảo đảm	**Cấp tín dụng có bảo đảm một phần.** + Đối với GHCV ngắn hạn, GH mở LC, GHBL thanh toán: Tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm **tối thiểu 60%.** + Đối với GH Bảo lãnh: (i) Đối với Bảo lãnh thanh toán, tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm tối thiểu 40%; (ii) Đối với Bảo lãnh khác, tỷ lệ số dư tín dụng có bảo đảm tối thiểu 10%. + TSBĐ là bất động sản, tài sản thanh khoản cao và các tài sản khác đáp ứng quy định NHCT. + Áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là nhận thế chấp hàng tồn kho và/hoặc quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với tổng giá trị tối thiểu bằng với số dư tín dụng tại Chi nhánh.
1.2. Khoản cho vay ngắn hạn theo phương thức hạn mức:	

- Số tiền cho vay	**300.000 triệu đồng**
- *Số tiền cho vay khả dụng*	***170.000 triệu đồng***
- Mục đích sử dụng vốn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Thời gian cho vay	Phù hợp với chu kỳ hoạt động kinh doanh nhưng không quá **05 tháng/Giấy nhận nợ**.
- Thời gian duy trì hạn mức	Tối đa 12 tháng nhưng không vượt quá thời gian duy trì GHTD
- Biện pháp bảo đảm	Theo Mục 1.1. Biện pháp bảo đảm nêu trên.

2. Điều kiện tín dụng

2.1. Điều kiện trước khi ký Hợp đồng tín dụng (HĐCTD)

- Công ty cung cấp Văn bản của Cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật về việc: Thông qua/Quyết định Phương án kinh doanh năm 2025-2026; (ii) Thông qua việc vay vốn và các hình thức cấp tín dụng khác, thông qua các biện pháp bảo đảm bằng tài sản *(thế chấp/cầm cố/ký quỹ...)*; (iii) Thông qua các Hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm của Công ty với NHCT.

2.2 Điều kiện đưa vào Hợp đồng cấp tín dụng: Công ty cam kết và thực hiện:

- **Về dòng tiền:** Chuyển/nộp doanh thu từ bán hàng và các nguồn thu khác của Công ty về tài khoản của Công ty mở tại Chi nhánh tối thiểu bằng tỷ lệ cấp tín dụng của NHCT so với các TCTD khác (trong đó doanh số tiền về là doanh thu trực tiếp từ bán hàng tối thiểu 110% doanh số cho vay).
- **Về tài sản bảo đảm:**
  + Không cầm cố thế chấp hàng tồn kho và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế do NHCT tài trợ cho các TCTD khác.
  + Duy trì việc mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo thuộc diện bắt buộc mua bảo hiểm theo quy định của NHCT và ủy quyền thụ hưởng đầu tiên cho Chi nhánh trong suốt thời gian Công ty còn dư nợ tại Chi nhánh.
- **Về tài chính:** Tại các kỳ báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, Công ty duy trì: (i) Kết quả kinh doanh có lãi; (ii) Cân đối hình thái nợ vay ngắn hạn và vốn lưu chuyển dương (có xét đến các khoản mục theo đúng tính chất về kỳ hạn); (iii) Không phát sinh các khoản cho vay/tạm ứng đối với các bên liên quan (iv) Duy trì các khoản vay dài hạn của các bên liên quan hoặc các nguồn tài trợ khác có kỳ hạn tương ứng/giữ lại lợi nhuận sau thuế để tăng cường năng lực tài chính cho Công ty, đảm bảo hệ số tự tài trợ tối thiểu 20%.
- **Về cung cấp hồ sơ:** Tiếp tục kiểm toán BCTC hàng năm. Định kỳ cung cấp BCTC quý/năm (Tối đa 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính), cung cấp cho ngân hàng kịp thời và đầy đủ số liệu về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, tờ khai VAT, chi tiết phát sinh các khoản mục phải thu, phải trả, hàng tồn kho, chi tiết doanh thu và các tài khoản trọng yếu khác theo yêu cầu của Chi nhánh. Phối hợp với Chi nhánh thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ/đột xuất khi có yêu cầu.
- Thông báo cho NHCT ngay khi có thay đổi lớn về cơ cấu chủ sở hữu, thành phần Ban lãnh đạo, năng lực kinh doanh và các pháp lý hoạt động liên quan.
- Trường hợp Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện cam kết, NHCT có quyền áp dụng các điều chỉnh nội dung cấp tín dụng, ứng xử tín dụng cần thiết đối với Công ty cho đến khi khắc phục.

CV56KHDNY22FB7BAFB4862GR9G

2.3. Điều kiện trong quá trình cấp tín dụng: Chi nhánh thực hiện:

- Điều kiện sử dụng GHTD trên 200 tỷ đồng (trừ trường hợp GHTD trên 200 tỷ đồng được bảo đảm đầy đủ bằng tài sản): Công ty thực hiện đầy đủ các cam kết trong HĐCTD trong kỳ đánh giá gần nhất.
- Hạn chế giải ngân cho các đơn vị liên quan. Trường hợp giải ngân thanh toán cho đơn vị liên quan (bên liên quan xác định theo BCTC hàng năm của Công ty, bên liên quan khác theo thẩm định của Chi nhánh), Chi nhánh thực hiện: (i) Không giải ngân thanh toán ứng trước; (ii) Chịu trách nhiệm rà soát hồ sơ chứng từ giải ngân, đảm bảo các giao dịch phát sinh phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, NHCT và Điều lệ Công ty.
- Giải ngân thanh toán LC: Chi nhánh thực hiện kiểm soát đảm bảo hàng hóa hình thành tồn tại dưới hình thái tài sản/khoản phải thu, chưa chuyển hóa thành tiền, chủ động theo dõi thu nợ trước hạn khi dòng tiền về sớm hơn thời gian cho vay ban đầu. Thời gian cho vay cộng với thời gian trả chậm theo L/C không vượt quá 05 tháng.
- Giao giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, thực hiện:
  + Kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình NHCT cấp tín dụng (từ lúc bắt đầu cấp tín dụng, giải ngân, thanh toán,... cho tới khi thu hồi hết các khoản tín dụng liên quan), đảm bảo kiểm soát toàn bộ nguồn thu và dòng tiền trả nợ cho NHCT, từ đó có ứng xử tín dụng phù hợp, kịp thời, đảm bảo an toàn vốn NHCT.
  + Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, khoản phải thu của Công ty, đảm bảo tổng giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu hình thành từ vốn cấp tín dụng của NHCT tối thiểu bằng số dư tín dụng của Công ty tại NHCT tại mọi thời điểm.
- Thực hiện cấp tín dụng với Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và NHCT.

Điều kiện kiểm tra/giám sát sau cấp tín dụng:

+ Định kỳ hàng tháng: Tra cứu thông tin CIC (riêng CIC TSBĐ có thể tối đa 3 tháng/lần), tra cứu bản tin đăng ký GDBĐ trực tuyến, đánh giá tình hình quan hệ tín dụng, thế chấp tài sản của Công ty tại các TCTD đảm bảo dư nợ vay ngắn hạn tại các TCTD phù hợp với quy mô hoạt động, nhu cầu vốn thực tế của Công ty.
+ Định kỳ hàng quý (trên cơ sở hồ sơ Công ty cung cấp và kiểm tra thực tế của Chi nhánh): Chi nhánh tập trung đánh giá: (i) Tình hình thực hiện các cam kết tại HĐCTD; (ii) Quy mô doanh thu, lợi nhuận, mức độ thực hiện so với kế hoạch; (iii) Tình hình cân đối nợ vay, chất lượng các khoản mục trọng yếu như phải thu, hàng tồn kho; (iv) kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất; (iv) Các dấu hiệu rủi ro tín dụng khác (nếu có). Việc đánh giá phải lập thành văn bản theo quy định, lưu hồ sơ tín dụng và là căn cứ để cấp tín dụng cho quý tiếp theo.

- **Trên cơ sở kết quả kiểm tra đánh giá định kỳ:**
  + Trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện Về dòng tiền lũy kế 02 Quý liên tiếp hoặc điều kiện Về tài chính tại HĐCTD, Chi nhánh thực hiện rút giảm dư nợ theo nguyên tắc giải ngân tối đa 80% doanh số thu nợ hoặc cấp tín dụng có bảo đảm đầy đủ cho đến khi Công ty khắc phục.
  + Trường hợp Công ty không đáp ứng cam kết điều kiện khác theo HĐCTD hoặc có dấu hiệu rủi ro, Chi nhánh làm việc với Công ty tìm hiểu nguyên nhân yêu cầu Công ty đưa ra lộ trình khắc phục và giám sát kết quả thực hiện.



+ Định kỳ hoặc đột xuất Bên cho vay được quyền kiểm tra thực tế tình hình thực tế tình hình sản xuất kinh doanh, tất cả kho hàng của Bên vay, kho đối tác mà Bên vay gửi hàng, kho thuê ngoài, hàng gửi cảng, hàng đi đường, ...kết hợp với việc đánh giá tình hình tài chính của Bên vay. Bên vay phải đồng ý vô điều kiện các ứng xử tín dụng của Bên Cho vay
+ Trường hợp tình hình tài chính, kết quả kinh doanh suy giảm dẫn đến khả năng trả nợ không đảm bảo, Bên Cho Vay được toàn quyền sai áp, quản lý, xử lý hàng tồn kho, khoản phải thu thuộc sở hữu Bên Vay trong phạm vi giá trị bằng số dư nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ phát sinh khác tại Bên Cho vay.
+ Trường hợp phát hiện các rủi ro tiềm ẩn, Bên Cho vay có quyền có ứng xử tín dụng phù hợp. Bao gồm nhưng không giới hạn: dừng giải ngân, tăng tỷ lệ tài sản bảo đảm, rút giảm giới hạn tín dụng, thu hồi nợ trước hạn, ... Bên vay phải đồng ý vô điều kiện các ứng xử tín dụng của Bên Cho vay

2 - Các nội dung liên quan đến Lãi và Phí[1]:

2.1 Lãi Suất Cho Vay

Lãi suất cho vay trong Hợp Đồng này là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định dưới đây:

(a) Lãi suất cho vay trong hạn

Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất, thông báo điều chỉnh lãi suất:

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh một (1) tháng một lần (**"Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất"**).

- Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào ngày giải ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày một (1) của tháng cuối cùng của Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu ngày một (1) đó không phải là Ngày Làm Việc (**"Ngày Xác Định Lãi Suất"**).

- Sau Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay sẽ gửi văn bản thông báo lãi suất và/hoặc Bên Cho Vay sẽ thông báo lãi suất thông qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ (như tin nhắn gửi qua số điện thoại/Email/Hệ thống Vietinbank Ipay, Vietinbank Efast…mà Bên Vay đã đăng ký tại Bên Cho Vay trước đó) cho Bên Vay nếu lãi suất cho vay có sự thay đổi so với lãi suất cho vay đang áp dụng. Bên Vay đồng ý rằng định kỳ hàng tháng vào ngày làm việc liền kề sau ngày 01 hàng tháng sẽ đến trụ sở của Bên Cho Vay để nhận thông báo lãi suất. Trường hợp Bên Vay không đến trụ sở của Bên Cho Vay để nhận thông báo lãi suất thì Bên Vay từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện liên quan tới việc điều chỉnh và áp dụng lãi suất cho kỳ tính lãi tương ứng. Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo lãi suất và văn bản thông báo lãi suất cho vay và/hoặc thông báo lãi suất qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất được xác định ghi trong thông báo lãi suất đó (hoặc thông báo lãi suất trước đó) cho kỳ hạn tính lãi tương ứng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, trừ khi Bên Vay có văn bản phản đối lãi suất được xác định sai nguyên tắc quy định dưới đây trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay gửi thông báo

[1] *Ghi lại toàn bộ điều khoản tương ứng trong Hợp đồng cho vay .*

CV56KHDNY22FB78AFB4862GR9G

đó. Trường hợp Bên Vay phản đối, lãi suất cho vay trong thông báo lãi suất sẽ được Bên Vay và Bên Cho Vay cùng xác định lại, nếu Bên Vay không cùng Bên Cho Vay xác định lại hoặc không chỉ rõ được việc Bên Cho Vay xác định sai thì lãi suất cho vay vẫn được áp dụng theo mức lãi suất trong thông báo xác định lãi suất mà Bên Cho Vay đã gửi cho Bên Vay

(ii) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau:

Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng (=) tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ 3.5%/năm, trong đó: Lãi suất cơ sở được xác định bằng:

+ Lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của cùng loại tiền cho vay có thời hạn tương ứng với Thời Hạn Cho Vay quy định tại khoản 1.5 Hợp Đồng này được niêm yết tại Bên Cho Vay + chi phí huy động vốn tăng thêm. Trong đó: Chi phí huy động vốn tăng thêm là chi phí phát sinh trong điều kiện biến động thị trường khiến lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trả lãi sau không phản ánh đầy đủ chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay do Bên Cho Vay tự xác định. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có loại lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có thời hạn tương ứng với Thời Hạn Cho Vay thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của thời hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy đọng tiết kiệm trả lãi sau hiện hành của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

(iii) Bên Cho Vay được quyền quyết định điều chỉnh tăng biên độ và thông báo cho Bên Vay về biên độ mới khi có một trong các sự kiện phát sinh dưới đây:

+ Bên Vay có đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc Bên Vay có đề nghị miễn/giảm lãi;

+ Khả năng trả nợ của Bên Vay suy giảm hoặc có nguy cơ suy giảm theo đánh giá của Bên Cho Vay hoặc Bên Cho Vay có cơ sở để xác định Bên Vay đang có nguy cơ, dự kiến suy giảm khả năng trả nợ;

+ Việc Cơ quan Nhà nước thay đổi bất kỳ luật hoặc quy định nào và/hoặc việc tuân thủ bất kỳ luật hoặc quy định nào được đưa ra sau khi ký Hợp Đồng này làm giảm lợi ích của Bên Cho Vay;

+ Các thay đổi bất lợi (theo đánh giá của Bên Cho Vay) liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm của các Khoản Nợ theo Hợp Đồng này làm tăng rủi ro đối với Khoản Nợ;

+ Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường.

(iv) Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường, Bên Cho Vay được toàn quyền điều chỉnh cách thức xác định lãi suất cơ sở và biên độ khác so với cách thức xác định tại mục (ii) trên. Bên Cho Vay chỉ cần thông báo điều chỉnh lãi suất cho Bên Vay trong đó có nội dung thay đổi về Lãi suất cơ sở và biên độ, Bên Vay đồng ý thực hiện theo Thông báo điều chỉnh lãi suất của Bên Cho Vay trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Biến động thị trường là một trong các sự kiện sau:

+ Tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có giá trị lãi suất cơ sở hoặc giá trị lãi suất cơ sở bằng 0 (không) hoặc âm; hoặc Cơ quan quản lý/ cơ quan có thẩm quyền/ đại diện của các cơ quan này tuyên bố công khai rằng loại lãi suất cơ sở tại hợp đồng cho vay không còn tin cậy/ không còn mang tính đại diện; hoặc

+ Việc sửa đổi/bổ sung/ thay thế hoặc đưa ra/ thay đổi trong cách diễn giải, thi hành hoặc áp dụng của bất kỳ pháp luật quy định nào hoặc thay đổi của chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Nhà nước và của NHCTVN sau ngày giao kết Hợp Đồng hoặc các nguyên nhân khác trực tiếp/ gián tiếp khiến chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay vượt quá giá trị lãi



suất cơ sở đang áp dụng tại Hợp Đồng và/ hoặc ảnh hưởng tới khả năng giải ngân vốn cho vay của Bên Cho Vay

Khi các sự kiện biến động thị trường chấm dứt, Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được Bên Cho Vay tiếp tục áp dụng theo mục (ii) nêu trên và được Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay.

(v) Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("**NHCTVN**") thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(vi) Lãi suất cho vay tại thời điểm giao kết Hợp Đồng là 6,3%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày giao kết Hợp Đồng.

(vii) Lãi suất ưu đãi áp dụng theo các chương trình, cơ chế ưu đãi lãi suất khác:

Vào ngày giải ngân khoản nợ hoặc ngày xác định lãi suất, tùy thuộc vào việc Bên vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Chương trình tín dụng theo quy định của Bên cho vay và được Bên cho vay chấp thuận thì lãi suất cho vay của khoản nợ sẽ được xác định theo chính sách cho vay của chương trình đó và được ghi vào giấy nhận nợ. Hết thời gian áp dụng Chương trình tín dụng hoặc khi Bên vay không đáp ứng được điều kiện của Chương trình hoặc Bên cho vay chấm dứt chương trình tín dụng trước hạn thì lãi suất cho vay được xác định lại là lãi suất thông thường nêu trên. Trong đó ngày xác định lãi suất là ngày Bên cho vay chấm dứt áp dụng Chương trình tín dụng đối với Bên vay (trừ trường hợp theo thông báo riêng của Bên Cho vay).

Trong thời gian áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi, trường hợp biến động thị trường, trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau dành cho khách hàng cá nhân của Bên Cho vay tăng quá 10% so với thời điểm giải ngân lần đầu tiên (thời điểm bắt đầu áp dụng lãi suất ưu đãi), Bên Cho vay điều chỉnh lãi suất cho vay ưu đãi tăng tương ứng trong thời gian ưu đãi còn lại đối với các giấy nhận nợ theo hợp đồng này. Đối với giấy nhận nợ mới, áp dụng mức lãi suất điều chỉnh tăng tại ngày giải ngân. Đối với giấy nhận nợ cũ, áp dụng mức lãi suất điều chỉnh tăng tại ngày điều chỉnh lãi suất được quy định tại hợp đồng.

+ Trường hợp Bên vay phát sinh nợ quá hạn từ nhóm 2, nợ xấu tại Bên cho vay và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích, Bên cho vay chấm dứt ngay việc ưu đãi lãi suất đối với toàn bộ dư nợ của Bên vay tại tất cả các chi nhánh trong hệ thống Bên cho vay kể từ ngày bị chuyển nhóm nợ và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích tại Bên cho vay.

+ Bên cho vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất trong 02 trường hợp sau đây:

- Bên vay sử dụng vốn sai mục đích: trường hợp xác định Bên vay sử dụng vốn sai mục đích, Bên cho vay thực hiện thu hồi toàn bộ số tiền lãi đã ưu đãi đối với tất cả các khoản vay sử dụng vốn vay sai mục đích còn dư nợ.
- Bên vay trả nợ trước hạn: Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, Bên cho vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ.
- Công thức xác định số tiền thu hồi ưu đãi lãi suất:

$$\text{Số tiền thu hồi ưu đãi} = \sum\left(A \times \frac{(X-Y)}{365} \times T\right)$$

Trong đó:

A: Dư nợ bị thu hồi lãi suất ưu đãi

X: Sàn lãi suất cho vay thông thường kể từ thời điểm bắt đầu áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi tương ứng với mục đích vay vốn của Bên Vay theo quy định của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ. (Sàn lãi suất cho vay thông thường theo quy định của Bên Cho Vay tại thời điểm ký hợp đồng cho vay dự án đầu tư là 12.5%/năm)

Y: lãi suất cho vay ưu đãi áp dụng cho khách hàng.

T: số ngày ưu đãi lãi suất

+ Lãi suất cho vay trên đối với từng khoản vay (Giấy nhận nợ) không áp dụng đồng thời với các chính sách hỗ trợ/ưu đãi khác về lãi suất như Chính sách khách hàng chiến lược, Chính sách giảm lãi suất cho vay xuất khẩu, chính sách ưu đãi nông nghiệp nông thôn….

+ Phương pháp giảm trừ: Bên Vay được áp dụng lãi suất ưu đãi (giảm trừ lãi suất) ngay khi thực hiện giải ngân theo chương trình. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Bên Vay vi phạm các cam các nội dung cam kết tại khoản dưới đây, Bên Cho Vay sẽ áp dụng lãi suất cho vay thông thường đối với khoản vay và thực hiện truy thu phần lãi được giảm trừ cho Bên Vay trước đó.

Điều kiện tham gia chương trình: Bên Vay cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

+ Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng được cho vay theo chương trình đã ghi tại Điều 1, 1.4 Hợp đồng cho vay và các giấy nhận nợ; trả nợ đúng thời hạn quy định trong hợp đồng cho vay và các giấy nhận nợ liên quan.

+ **Nhóm nợ bên vay:** Nhóm 01 (Tại tất cả các tổ chức tín dụng theo báo cáo CIC gần nhất) và không có nợ xấu trong thời gian 01 năm trước liền kề tại thời điểm đề xuất áp dụng Chương trình tại các tổ chức tín dụng.

+ Bên Vay được xếp hạng tín dụng từ A trở lên.

+ Bên Vay sử dụng báo cáo tài chính kiểm toán và không có khoản cấp tín dụng chuyên biệt

+ Bên vay phải sử dụng ít nhất **04 sản phẩm dịch vụ** trong gói sản phẩm kết hợp của Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam gồm: Tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử (có phát sinh giao dịch tài chính trên kênh ngân hàng điện tử tối thiểu 03 tháng /lần), chi lương (có phát sinh hàng tháng), VietinCare, quản lý dòng tiền (Thu hộ, chi hộ, điều tiền tự động, tài khoản ảo, dịch vụ thấu chi và quản lý hạn mức thấu chi) tài trợ thương mại, mua bán ngoại tệ, sản phẩm đầu tư, các sản phẩm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

+ Thu nhập hoạt động quy đổi theo năm/dư nợ bình quân của bên vay đạt mức tối thiểu theo quy định của chương trình cho vay ưu đãi từng thời kì.

+ Tỷ lệ doanh số tiền về/Doanh số giải ngân ngắn hạn ≥ 110%

+ Duy trì số dư tiền gửi thanh toán không kỳ hạn bình quân lớn hơn 100 triệu đồng.

+ Bên vay đăng ký sử dụng dịch vụ nhận biến động số dư toàn bộ tài khoản tiền vay qua SMS/OTP banking.



+ Bên Cho vay sẽ chấm dứt ưu đãi lãi suất đối với Bên vay nếu Bên vay để phát sinh nợ quá hạn hoặc phải cơ cấu nợ. Đồng thời, yêu cầu Bên vay phải bồi hoàn lại toàn bộ số tiền ưu đãi lãi suất trong trường hợp Bên Cho vay xác định Bên vay sử dụng vốn sai mục đích.

+ Trong trường hợp Bên vay không tuân thủ đúng cam kết về quy mô dòng tiền chuyển về tài khoản Thanh toán của Bên vay tại Bên Cho Vay và duy trì số dư tiền gửi thanh toán không kỳ hạn bình quân theo quy định của Hợp đồng này thì Bên Cho vay được quyền cộng thêm 0,5%/năm vào lãi suất cho vay trong hạn tại Ngày xác định lãi suất.

(b) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn

Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.6 Điều 3 và khoản 8.2 Điều 8 của Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại điểm a khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(c) Lãi suất chậm trả lãi

Lãi suất chậm trả lãi: Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng lãi suất chậm trả lãi. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách lãi suất của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất chậm trả lãi và Các Bên thống nhất trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo điểm a Khoản 3.6 Điều 3 Hợp Đồng này) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2 Cơ Sở Tính Lãi, Phương Pháp Tính Lãi

(a) Tiền lãi của Khoản Nợ được tính theo lãi suất năm, trên cơ sở một năm có 365 ngày.

(b) Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

(c) Số tiền lãi vay trong hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc trong hạn thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế)/365.

(d) Số tiền lãi đối với dư gốc bị quá hạn bằng (=)∑(dư nợ gốc thực tế bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn)/365.

(e) Số tiền lãi chậm trả lãi bằng (=)∑(số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả lãi nhân (x) số ngày chậm trả lãi thực tế)/365.

2.3 Phí

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Cụ thể các loại phí như sau:

(a) Phí trả nợ trước hạn:

(i) Bên Vay trả nợ trước hạn mà nguồn tiền trả nợ là nguồn vốn vay từ định chế tài chính khác:

Phí phạt trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn (%) x (nhân) Số tiền gốc trả nợ trước hạn. Trong đó, tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu được quy định như sau:

CV56KHDNY22FB7BAF84862GR9G

+ Thời hạn vay đã qua < 1/3 thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 5%

+ 1/3 Thời hạn tài khoản vay ≤ Thời hạn vay đã qua < 2/3 Thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 3%.

+ Thời hạn tài khoản vay đã vay ≥ 2/3 Thời hạn tài khoản vay tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu là 2%

(ii) Bên Vay trả nợ trước hạn mà nguồn tiền trả nợ là các nguồn tiền khác, không phải là vốn vay từ định chế tài chính khác. Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng phí trả nợ trước hạn. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách phí của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng phí trả nợ trước hạn và Các Bên thống nhất áp dụng theo Thông báo phí trả nợ trước hạn của Bên Cho Vay gửi Bên Vay;

(b) Phí cam kết rút vốn: Phí cam kết rút vốn bằng (=) ∑(Số tiền tính phí nhân (X) số ngày chịu phí nhân (X) tỷ lệ phí) chia (:) 365

Trong đó:

+ Số tiền tính phí là số tiền Bên Cho Vay cam kết cho vay

+ Số ngày tính phí: Số ngày từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực tới Ngày giải ngân đầu tiên.

+ Tỷ lệ phí: 1,0%; và

(c) Các loại phí khác theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật.

3 - Thanh toán nợ lãi, gốc và phí

3.1 Thanh Toán Lãi

(a) Lãi vay trong hạn sẽ được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày 25 (hai mươi lăm) hàng tháng. Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi Khoản Nợ là ngày thanh toán hết Khoản Nợ đó. Trường hợp ngày 25 (hai mươi lăm) hàng tháng không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó ("**Ngày Thanh Toán Lãi**").

Ngày Làm Việc: có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ tại Việt Nam; (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép không giao dịch theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.]

(b) Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (nếu có) và Bên Cho Vay có quyền thu lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (i) ngay khi phát sinh và/hoặc (ii) theo thông báo của Bên Cho Vay và/hoặc (iii) vào Ngày Thanh Toán Lãi nêu tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này.

3.2 Thanh Toán Nợ Gốc

(a) Bên Vay đồng ý thanh toán Khoản Nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ hoặc thời điểm khác theo sự thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên hoặc theo thông báo lịch trả nợ do Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

Trường hợp ngày thanh toán nợ gốc không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó.

(b) Bên Vay thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn với điều kiện:

(i) Bên Vay phải gửi thông báo về việc đề nghị trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay trước ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc tính đến ngày dự kiến trả nợ trước hạn, trong đó nêu rõ về số tiền đề nghị trả nợ trước hạn, ngày dự kiến trả nợ trước hạn;

(ii) Việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn phải được Bên Cho Vay chấp thuận và tuân theo các điều kiện của Bên Cho Vay;

(iii) Bên Vay sẽ đồng thời trả hết tất cả các khoản lãi cộng dồn phát sinh tính đến thời điểm trả nợ trước hạn, Phí trả nợ trước hạn cùng các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

(iv) Mọi khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự do Bên Cho Vay toàn quyền quyết định. Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, các khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự (i) thu cho kỳ trả nợ cuối cùng; (ii) thu cho kỳ trả nợ tiếp theo liền kề kỳ trả nợ cuối cùng cho đến khi thu hết khoản thanh toán trước hạn.

3.3 Thanh Toán Phí

Các khoản phí (nếu có) sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 Hợp Đồng này và/hoặc ngay khi phát sinh phí.

3.4 Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

(a) Nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà không đủ để thanh toán mọi nghĩa vụ (trừ trường hợp theo quy định của điểm b khoản 3.4 Điều 3 Hợp Đồng này) thì Bên Cho Vay có quyền sử dụng khoản tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ theo thứ tự sau: (i) phí (nếu có); (ii) các khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) (iii) lãi vay đến hạn; và (iv) các khoản nợ gốc đến hạn.

(b) Trường hợp Khoản Nợ bị quá hạn trả nợ thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.5 Đồng Tiền Sử Dụng

Đồng tiền sử dụng để trả nợ theo Hợp Đồng này tương ứng với đồng tiền Bên Vay nhận nợ của Khoản Nợ được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác với đồng tiền nhận nợ thì Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

Trân trọng thông báo!

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 017884 Số 01 SCTBS
Ngày 30-10-2026
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Lưu Thanh Sang

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH CẦN THƠ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

CV56KHDNY22FB7BAFB4862GR9G

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Chúng tôi/tôi xác nhận:

1. Đã được NHCTVN cung cấp đầy đủ các thông tin về khoản vay (Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; phương thức trả nợ; các loại phí và mức phí...và các thông tin khác liên quan đến các Khoản Vay).

2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của NHCTVN và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước NHCTVN về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu gửi cho NHCTVN.

3. Đồng ý cho NHCTVN được toàn quyền thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân mà Chúng tôi/tôi cung cấp theo quy định của pháp luật và theo Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ cho các mục đích phục vụ giao kết, thực hiện Hợp đồng cho vay. Đồng ý cho NHCTVN được được phép liên hệ với các tổ chức, cá nhân khác để thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật các thông tin liên quan đến Tôi/Chúng tôi (bao gồm các dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Tôi/Chúng tôi, lãnh đạo, thành viên góp vốn, cổ đông, chủ sở hữu hưởng lợi…) để phục vụ cho mục đích giao kết, thực hiện Hợp Đồng này và cho phép các tổ chức cá nhân này được cung cấp thông tin của Tôi/Chúng tôi mà tổ chức, cá nhân đó đang nắm giữ, lưu trữ cho NHCTVN và NHCTVN được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay phục vụ cho mục đích giao kết và thực hiện Hợp Đồng này. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng NHCTVN được quyền chia sẻ, cung cấp, chuyển giao, khai thác dữ liệu cá nhân của Tôi/Chúng tôi cho cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền được phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Đã đọc, hiểu rõ các điều kiện, điều khoản cơ bản của Hợp đồng cho vay và đồng ý, chấp thuận giao kết Hợp đồng cho vay với các điều kiện, điều khoản này.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 04 7 8 8 5 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 30 -10- 2026
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Bảo Ngọc

Lưu Thanh Sang

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industrial and Trade
Chi nhánh *Branch*: CẦN THƠ

VietinBank

THÔNG BÁO XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN VAY KHÁCH HÀNG

(CUSTOMER'S LOAN BALANCE INFORMATION)

Đến hết ngày *Up to date:* **13/07/2026**

Kính gửi *Dear Customer:* **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**
Số CIF *CIF number:* **300043013**

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xin thông báo số dư tài khoản tiền vay của quý vị/cơ quan đến hết ngày **13/07/2026** như sau:
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industrial and Trade would like to inform your loan account balance up to the date 13/07/2026:

Đồng tiền *Currency*	**Tài khoản** *Loan account number*	**Dư nợ gốc** *Principal*	**Lãi cộng dồn** *Interest Accrual*	**Lãi phạt cộng dồn** *Late Charge*
VND	**Số TKQLHĐ: 804007577519** *Commitment Account*	**Ngắn hạn** *Short term*		
VND	800007791458	9,720,590,616	39,468,261	0
VND	801007788733	4,300,000,000	45,154,521	0
VND	802007785284	8,000,000,000	32,482,192	0
VND	802007797423	3,000,000,000	12,180,822	0
VND	805007785842	6,000,000,000	24,361,644	0
VND	802007799197	29,297,850,779	118,957,301	0
VND	802007804498	25,700,000,000	104,349,041	0
VND	807008012346	10,131,053,337	2,137,236	0
VND	808007967002	28,000,000,000	149,558,904	0
VND	**Tổng VND** *Total VND*	**124,149,494,732**	**528,649,922**	**0**

- Dư nợ theo loại tiền *Balance by currency*	**Dư nợ gốc** *Principal*	**Lãi cộng dồn** *Interest Accrual*	**Lãi phạt cộng dồn** *Late Charge*
+ Loại tiền VND			
Ngắn hạn *Short term*	124,149,494,732	528,649,922	0
Tổng VND *Total VND*	**124,149,494,732**	**528,649,922**	**0**
- Dư nợ theo Kỳ hạn quy VND *Balance by term equivalent VND*			
Ngắn hạn *Short term*	124,149,494,732	528,649,922	0
- Tổng dư nợ quy đổi VND *Total balance equivalent VND*	**124,149,494,732**	**528,649,922**	**0**

Đề nghị quý vị/cơ quan xác nhận và gửi lại cho chúng tôi trước ngày ..... Nếu cần đối chiếu chi tiết hoặc giải thích những vấn đề cần thiết, xin mời đến Chi nhánh chúng tôi để làm việc, nếu Chi nhánh không nhận được phản hồi của quý vị/cơ quan thì số dư trên được coi là chính xác.

Please send back your confirmation by ..... If you need more detail or further clarification, please contact us at branch office. After that date, if you don't have any response, these balance information above are treated as correct.

Ghi chú: Sau 10 ngày Khách hàng không gửi lại giấy xác nhận số dư coi như Khách hàng đã chấp nhận số dư tại Ngân hàng chúng tôi

Notice: If we do not receive your response within 10 days after, it is considered that customer has accepted the outstanding balance above

XÁC NHẬN *CONFIMATION*

Ngày *Date* 14 tháng *Month* 07 năm *Year* 2026

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Chief of Accountant

Lâm Thị Thu Hiền

Ngày *Date* 14 tháng *Month* 07 năm *Year* 2026

CHỦ TÀI KHOẢN
Account's owner

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
HAMACO
MSDN: 1800506879

TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Bảo Ngọc

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
Branch Director

M.S.C.N: 0100111948-040-C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Quốc